

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : ĐINH THỊ HUYỀN
Giảng viên hướng dẫn: ThS. PHẠM VĂN TƯỜNG

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI
PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : ĐINH THỊ HUYỀN
Giảng viên hướng dẫn: ThS. PHẠM VĂN TƯỜNG**

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đinh Thị Huyền

Mã SV:1113401048

Lớp: QTL501K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty
TNHH MTV Xi măng Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Lý luận chung về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.
- Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng.
- Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Tất cả các số liệu, sổ sách kế toán năm 2012 tại đơn vị thực tập và một số mẫu bảng biểu của Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: ThS. Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Huyền

Đinh Thị Huyền

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Tường

ThS. Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn cho bài viết thêm sinh động.
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng.
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm số: 9,8
- Điểm chữ: Chín phẩy tám điểm.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

Tưởng

ThS. Phạm Văn Tưởng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Đinh Thị Huyền Ngày sinh: 28/03/1988
Lớp: QTL 501K Ngành: Kế toán - Kiểm toán Khoá: QTKD – LT5
Thực tập tại: Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng
Từ ngày: 14/01/2013 đến ngày 17/03/2013

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

Trong thời gian thực tập tại Công ty, sinh viên Đinh Thị Huyền đã thực hiện tốt mọi nội quy, quy định của Công ty đề ra. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, sống chan hoà, giản dị được mọi người yêu mến. Tư cách đạo đức tốt.

2. Về những công việc được giao:

Luôn chăm chỉ, ham học hỏi để nâng cao kiến thức đã học, biết vận dụng những kiến thức đã học với thực tiễn hạch toán kế toán của Công ty, năng động trong mọi công việc, mạnh dạn tham gia vào một số công việc mà đơn vị thực tập yêu cầu.

3. Kết quả đạt được:

Sinh viên Đinh Thị Huyền đã đạt được kết quả tốt trong thời gian thực tập tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập Cán bộ hướng dẫn thực tập cơ sở

Ký thay Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Hùng

Bùi Quang Hùng

Thiết

Trần Thị Thiết

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền.....	3
1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền	3
1.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền.....	3
1.1.3. Phân loại vốn bằng tiền.....	3
1.1.4. Vị trí và vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.....	4
1.1.5. Những quy định về hạch toán kế toán vốn bằng tiền.....	4
1.1.6. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	6
1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ	7
1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt.....	7
1.2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt	8
1.2.3. Tài khoản sử dụng	9
1.2.4. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.....	10
1.2.4.1. Kế toán tiền mặt là Tiền Việt Nam	10
1.2.4.2. Kế toán tiền mặt là ngoại tệ	13
1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng	17
1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng.....	17
1.3.2. Chứng từ hạch toán tiền gửi ngân hàng	18
1.3.3. Tài khoản sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng.....	18
1.3.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng	19
1.4. Kế toán tiền đang chuyển.....	23
1.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển	23
1.4.2. Chứng từ hạch toán tiền đang chuyển.....	23
1.4.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển	24
1.4.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển.....	24
1.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền	27

1.5.1. Hình thức Nhật ký chung	28
1.5.2. Hình thức Nhật ký - Sổ cái.....	30
1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	32
1.5.4. Hình thức Nhật ký - Chứng từ	34
1.5.5. Hình thức kế toán máy	36
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG..	38
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng...	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	38
2.1.2. Đặc điểm, ngành nghề, quy trình sản xuất kinh doanh.....	40
2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh	40
2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty	40
2.1.2.3. Quy trình công nghệ sản xuất tại công ty	41
2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn và phương hướng phát triển của công ty ..	43
2.1.3.1. Thuận lợi	43
2.1.3.2. Khó khăn	44
2.1.3.3. Phương hướng phát triển trong những năm tới.....	44
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty....	45
2.1.4.1. Loại hình tổ chức của Công ty.....	45
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý Công ty	47
2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận	48
2.1.6. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	52
2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	56
2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ	56
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng	56

2.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng	57
2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng	58
2.2.1.4. Quy trình hạch toán	58
1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	75
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	75
1.2.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng	76
1.2.2.3. Sổ sách kế toán sử dụng	76
1.2.2.4. Quy trình hạch toán	76
CHƯƠNG III. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG.....	92
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	92
3.1.1. Những ưu điểm.....	92
3.1.2. Những hạn chế	94
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	95
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện	95
3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Hải Phòng.....	95
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	96
KẾT LUẬN.....	105

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 01. Sơ đồ kế toán tổng quát tiền mặt (VNĐ).....	12
Sơ đồ 02. Sơ đồ kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.....	1
Sơ đồ 03. Sơ đồ kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam.....	21
Sơ đồ 04. Sơ đồ kế toán tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.....	1
Sơ đồ 05. Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển.....	26
Sơ đồ 06. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	29
Sơ đồ 07. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái	31
Sơ đồ 08. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	33
Sơ đồ 09. Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ ..	35
Sơ đồ 10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy	37
Sơ đồ 11: Quy trình công nghệ sản xuất của Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	42
Sơ đồ 12: Cơ cấu tổ chức Bộ máy quản lý Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng:	46
Sơ đồ 13. Bộ máy kế toán Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	50
Sơ đồ 14. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	53
Sơ đồ 15. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính: ...	59
Sơ đồ 16. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính	77

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 Hoá đơn Giá trị gia tăng.....	62
Biểu số 2.2. Phiếu xuất kho.....	63
Biểu số 2.3. Phiếu thu tiền	65
Biểu số 2.3. Phiếu thu tiền	66
Biểu số 2.4. Hoá đơn Giá trị gia tăng.....	68
Biểu số 2.5. Phiếu chi tiền.....	70
Biểu số 2.6. Sổ quỹ tiền mặt	71
Biểu số 2.6. Sổ quỹ tiền mặt	72
Biểu số 2.7. Sổ nhật ký chung.....	73
Biểu số 2.8. Sổ cái TK111	74
Biểu số 2.9. Phiếu chi tiền.....	80
Biểu số 2.10. Giấy nộp tiền vào ngân hàng	81
Biểu số 2.11. Giấy báo có	82
Biểu số 2.12. Hoá đơn Giá trị gia tăng.....	84
Biểu số 2.13. Ủy nhiệm chi	85
Biểu số 2.14. Giấy báo nợ.....	86
Biểu số 2.15. Sổ tiền gửi ngân hàng.....	88
Biểu số 2.15. Sổ tiền gửi ngân hàng.....	89
Biểu số 2.16. Sổ nhật ký chung.....	90
Biểu số 2.17. Sổ cái TK112	91
Biểu số 3.1. Sổ nhật ký thu tiền	98
Biểu số 3.2. Nhật ký chi tiền.....	99

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền là rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phân hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là những thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng, mỗi quá trình : Vốn và nguồn, tăng và giảm.... Do đó việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu trong quá trình sản xuất kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh đó, nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, chúng ta có thể biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Xuất phát từ thực tế trên, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng, em đã tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán vốn bằng tiền và chọn đề tài cho khoá luận của mình là : “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Xi măng Hải Phòng”

Bài khoá luận gồm ba phần chính:

Phần 1: Lý luận chung về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp

Phần 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng

Phần 3: Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng.

Trong thời gian hoàn thành bài khoá luận của mình, em đã được *thầy giáo ThS. Phạm Văn Tường* chỉ bảo và giúp đỡ tận tình, tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khoá luận một cách tốt nhất. Nhưng do thời gian và khả năng, kinh nghiệm chưa nhiều nên bài khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong và chân thành tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô cũng như các bạn để hoàn thiện hơn bài Khoá luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2013

Sinh viên

Huyền

Đinh Thị Huyền

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền

1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là một bộ phận của Tài sản lưu động, được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ, thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá trong sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô của vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự không minh bạch. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự không minh bạch là hết sức quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

1.1.3. Phân loại vốn bằng tiền

- *Theo hình thức tồn tại:*

- + Tiền Việt Nam
- + Ngoại tệ
- + Vàng bạc, kim khí quý, đá quý

- *Theo hình thái tồn tại:*

+ Tiền tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu đang được giữ tại két của doanh nghiệp, để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp gửi tại ngân hàng.

+ Tiền đang chuyển: Là tiền trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác. Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng, kho bạc hoặc đã làm thủ tục chuyển tiền qua bưu điện để thanh toán nhưng chưa nhận được giấy báo của đơn vị được hưởng thụ.

1.1.4. Vị trí và vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Vị trí:** Đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào, dù lớn hay là nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn bằng tiền nhất định trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp dùng vào việc mua sắm cần thiết, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó vốn bằng tiền có một vị trí quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

- **Vai trò:** Trong quá trình kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó, vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất kinh doanh được liên tục, đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

1.1.5. Những quy định về hạch toán kế toán vốn bằng tiền

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình

quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì ngoại tệ phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên Có các tài khoản 1112, 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán tài khoản 1112, 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước xuất trước; Nhập sau xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt)

Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phải phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu tài chính nếu lãi tỷ giá, chi phí tài chính nếu lỗ tỷ giá (nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư sản xuất kinh doanh, kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào tài khoản 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản – giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên tài khoản 007 “ ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán)

- Đối với tài khoản vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

Vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị của chúng được tính theo giá thực tế (giá hoá đơn hoặc giá thanh toán) khi tính giá xuất, ta có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho.

Nhóm tài khoản 11 - Vốn bằng tiền có 3 tài khoản:

- + Tài khoản 111: Tiền mặt
- + Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng
- + Tài khoản 113: Tiền đang chuyển

1.1.6. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

* *Vai trò của kế toán vốn bằng tiền:*

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro hơn các tài sản khác, vì vậy cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khoản thu, chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh, giám sát thường xuyên, liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

* *Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:*

Xuất phát từ những đặc điểm trên, kế toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền
- Giám đốc thường xuyên và thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.

- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.
- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt

- Chỉ phản ánh vào tài khoản 111, số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thực tế nhập, xuất quỹ

- Các khoản tiền, vàng bạc, kim, khí quý, đá quý do đơn vị hoặc cá nhân khác ký cược, ký quỹ tại đơn vị thì quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị. Riêng vàng bạc, kim khí quý, đá quý trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân đo, đóng đếm số lượng, trọng lượng và giám định chất lượng, sau đó tiến hành niêm phong có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

- Khi tiến hành nhập quỹ, xuất quỹ phải có phiếu thu, chi hoặc chứng từ nhập, xuất vàng bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép xuất, nhập quỹ theo quy định của chế độ chứng từ hạch toán.

- Kế toán tiền mặt chịu trách nhiệm mở sổ và giữ sổ quỹ, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi tiền mặt, ngân phiếu, vàng bạc, kim khí quý, đá quý, tính ra số tiền tồn quỹ ở mọi thời điểm. Riêng vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược phải theo dõi riêng trên một sổ hoặc trên một phần sổ

- Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm giữ gìn, bảo quản và thực hiện các nghiệp vụ nhập xuất tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ. Hàng ngày, thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế và tiến hành đối chiếu với số liệu trên sổ quỹ, sổ kế toán. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải tự kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch trên cơ sở báo cáo thừa hoặc thiếu hụt.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán, sổ kế toán tài khoản 1112, 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước - xuất trước, nhập sau - xuất trước, giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt)

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

1.2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt

Nhằm theo dõi tình hình thu, chi, tồn quỹ các loại tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý.... và các khoản tạm ứng, thanh toán tạm ứng của đơn vị, cung cấp những thông tin cần thiết cho kế toán và người quản lý của đơn vị trong lĩnh vực tiền tệ.

Việc thu, chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu, chi, lệnh này phải có chữ ký của Giám đốc (hoặc người có uỷ quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu, chi, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi.

- Phiếu thu
- Phiếu chi

Phiếu thu, phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên (đặt giấy than viết một lần hoặc in theo mẫu quy định - Mẫu số 01-TT, 02-TT Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC), sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và ký tên vào phiếu, kế toán chuyển cho kế toán trưởng soát xét và Giám đốc ký duyệt. Một liên lưu tại nơi lập, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu hoặc chi tiền, khi nhập hoặc xuất đủ số tiền, thủ quỹ phải ghi số tiền thực tế nhập quỹ hoặc xuất quỹ bằng chữ, đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi”, ký và ghi rõ họ tên vào phiếu. Thủ quỹ giữ lại một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nhận tiền hoặc nộp tiền. Cuối

ngày chuyển toàn bộ phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ.

Trường hợp liên phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp phải đóng dấu. Nếu là thu ngoại tệ thì phải ghi rõ tỷ giá tại thời điểm nhập quỹ để tính ra tổng số tiền theo đơn vị đồng để ghi sổ. Nếu là chi ngoại tệ thì phải ghi rõ tỷ giá tại thời điểm xuất quỹ để tính ra tổng số tiền theo đơn vị đồng để ghi sổ. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành quyển, phải ghi số từng quyển dùng trong một năm, trong mỗi phiếu thu, phiếu chi số của từng phiếu thu, phiếu chi phải được đánh số liên tục trong một kỳ kế toán.

Ngoài phiếu thu, phiếu chi, căn cứ để hạch toán vào tài khoản 111 còn các chứng từ gốc liên quan kèm theo cùng phiếu thu, phiếu chi như:

- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 – TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 – TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 – TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí quý, đá quý (Mẫu số 07 – TT)
- Bảng kiểm kê quỹ - dùng cho Việt Nam Đồng (Mẫu số 08a – TT)
- Bảng kiểm kê quỹ - dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý (Mẫu số 08b – TT)
- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09 – TT)

Các chứng từ sau khi đã kiểm tra đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ thì sẽ được ghi chép, phản ánh vào các sổ kế toán liên quan:

- + Sổ quỹ tiền mặt
- + Các sổ kế toán tổng hợp
- + Sổ kế toán chi tiết liên quan đến từng ngoại tệ, vàng bạc cả về số lượng và giá trị.

1.2.3. Tài khoản sử dụng

Hạch toán tiền mặt được sử dụng trên tài khoản 111 - Tiền mặt

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số thừa quỹ phát hiện khi kiểm kê
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng khi điều chỉnh

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ.
- Số thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm khi điều chỉnh

Số Dư Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111 – “ Tiền mặt” có 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi tồn quỹ Tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt
- + TK 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam
- + TK1113- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ

Cơ sở pháp lý để ghi Nợ TK 111 là các phiếu thu, để ghi có TK 111 là các phiếu chi.

1.2.4. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

1.2.4.1. Kế toán tiền mặt là Tiền Việt Nam

* Các nghiệp vụ tăng:

Nợ TK 111(1111): Số tiền nhập quỹ

Có TK 511: Thu tiền bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ

Có TK 515: Thu tiền từ hoạt động tài chính

Có TK 112: Rút tiền từ ngân hàng

Có TK 131, 136, 141: Thu hồi các khoản nợ phải thu

Có TK 121, 128, 138, 144, 244: Thu hồi các khoản vốn đầu tư ngắn hạn, các khoản cho vay, ký cược, ký quỹ bằng tiền

* Các nghiệp vụ giảm:

Nợ 112: Gửi tiền vào tài khoản ở ngân hàng

Nợ 121, 221: Mua chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Nợ 144, 244: Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn, dài hạn

Nợ 211, 213: Mua TSCĐ đưa vào sử dụng

Nợ 241: Xuất tiền cho ĐTXDCB (Tự làm)

Nợ 152, 153, 156: Mua hàng hoá, vật tư nhập kho (Theo pp KKTX)

Nợ 611: Mua hàng hóa, vật tư nhập kho (Theo pp KKĐK)

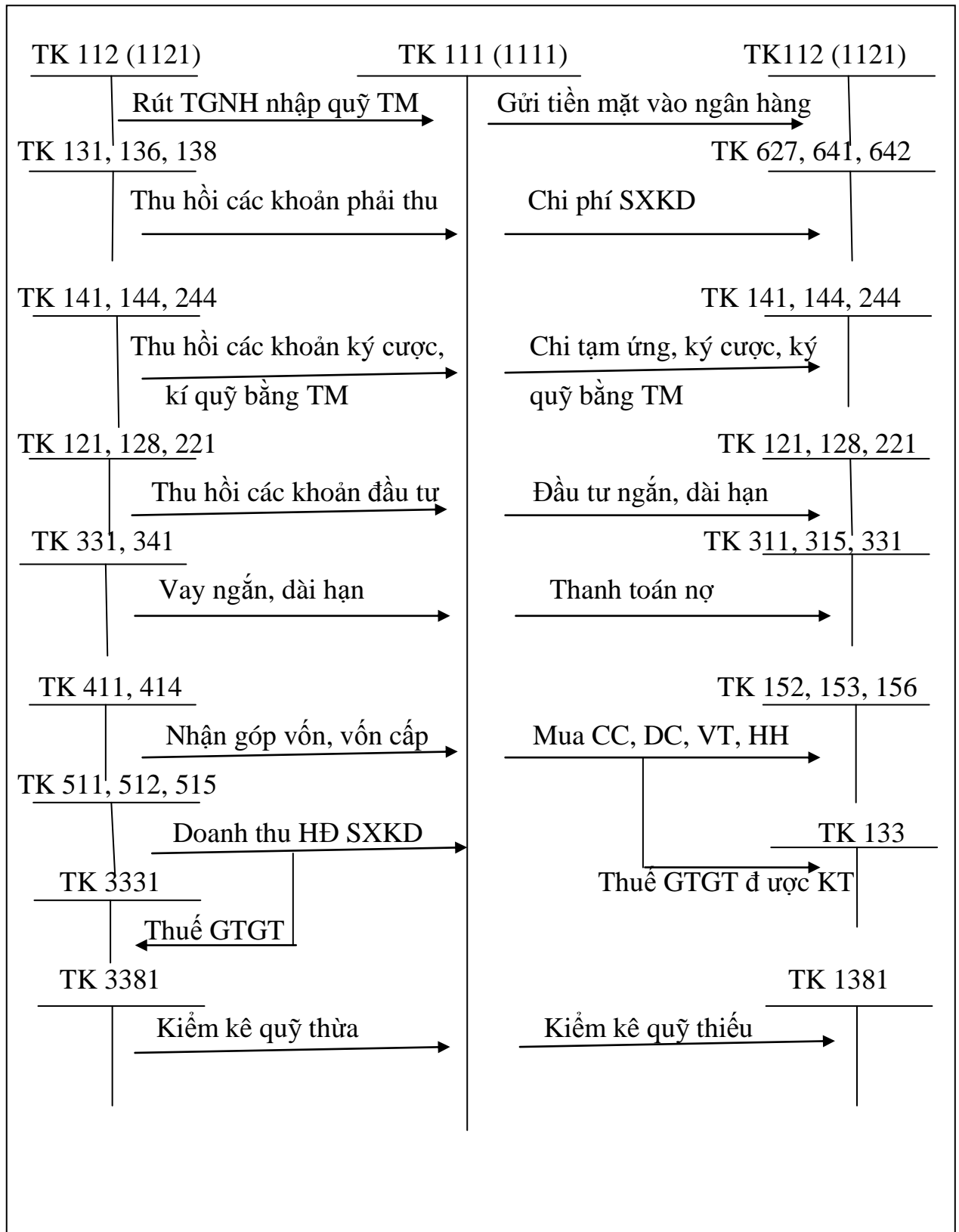
Nợ TK 311, 315: Thanh toán tiền vay ngắn hạn, nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331, 333, 334: Thanh toán trả người bán, nộp thuế và các khoản khác cho Ngân sách Nhà Nước

.....

Có TK 111 (1111): Số tiền thực xuất quỹ

Sơ đồ 01. SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TỔNG QUÁT TIỀN MẶT (VNĐ)



1.2.4.2. Kế toán tiền mặt là ngoại tệ

- Đối với ngoại tệ, ngoài quy đổi ra Đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi nguyên tệ trên TK 007 “ Nguyên tệ các loại”. Việc quy đổi ra Đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

+ Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định,.... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn ghi sổ bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

+ Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413 – Chênh lệch tỷ giá.

+ Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413

- Kết cấu TK 007:

Bên Nợ: Ngoại tệ tăng trong kỳ

Bên Có: Ngoại tệ giảm trong kỳ

Dư Nợ: Ngoại tệ hiện có

- Kết cấu TK 413 – “ Chênh lệch tỷ giá”:

Bên Nợ:

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá. nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá

Bên Có:

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá

Tài khoản này có thể dư Có hoặc dư Nợ:

+ Dư Nợ: Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý

+ Dư Có: Chênh lệch tỷ giá còn lại

- Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413 – “Chênh lệch tỷ giá” chỉ được xử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Riêng đối với đơn vị chuyên kinh doanh, mua bán ngoại tệ thì các nghiệp vụ mua bán ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá bán ra của ngoại tệ được hạch toán vào TK 515 – “ Thu nhập từ hoạt động tài chính” hoặc TK 635 – “ Chi phí cho hoạt động tài chính”

* Nguyên tắc xác định tỷ giá ngoại tệ:

- Các loại tỷ giá:

+ Tỷ giá thực tế: Là tỷ giá ngoại tệ được xác định theo các căn cứ có tính chất khách quan như giá mua, tỷ giá do Ngân hàng công bố

+ Tỷ giá hạch toán: Là tỷ giá ổn định trong một kỳ hạch toán, thường được xác định bằng tỷ giá mua thực tế lúc đầu kỳ.

- Cách xác định tỷ giá thực tế nhập, xuất quỹ như sau:

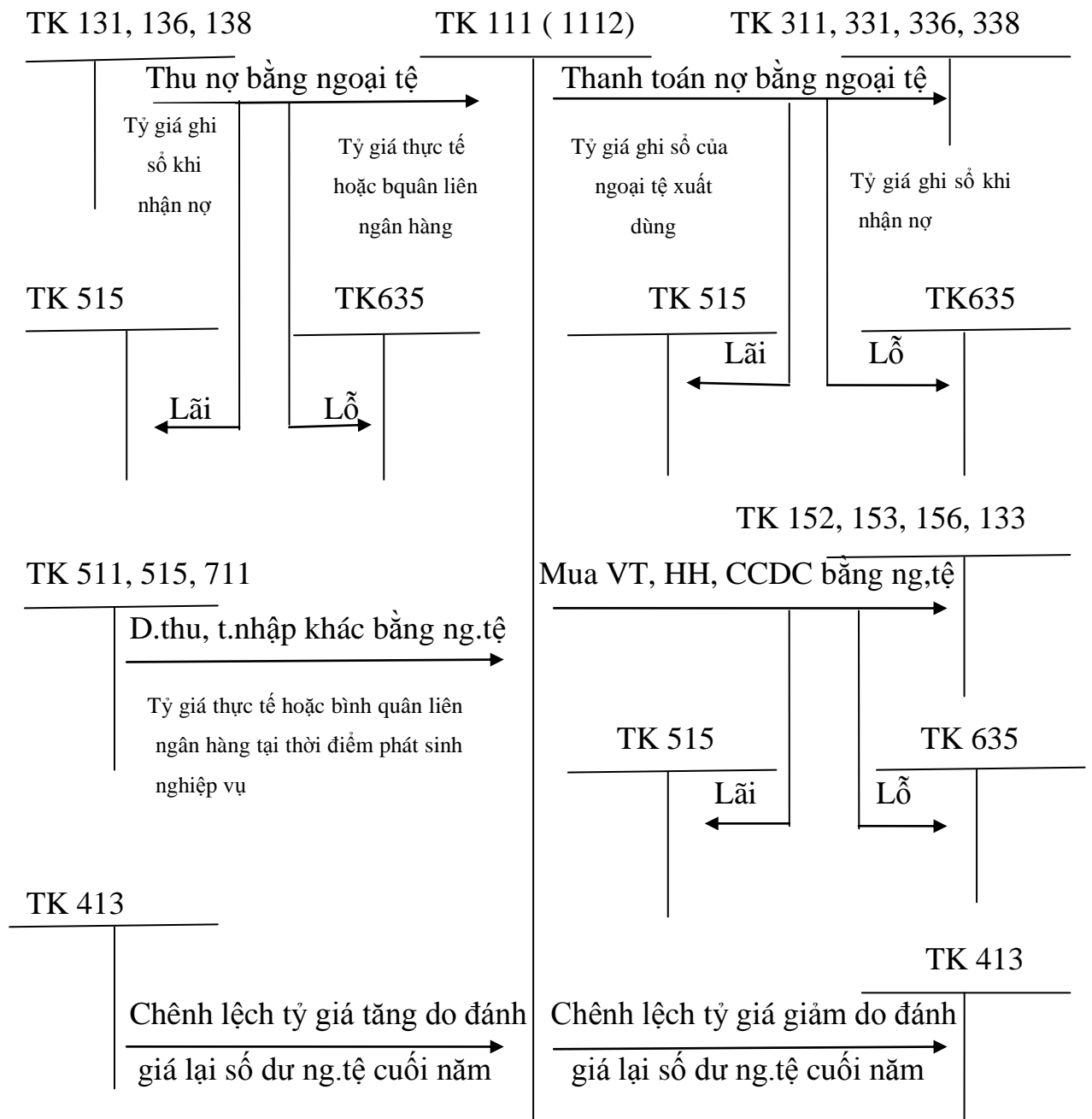
+ Tỷ giá thực tế nhập quỹ ghi theo giá mua thực tế hoặc theo tỷ giá do Ngân hàng công bố tại thời điểm nhập quỹ hoặc theo tỷ giá thực tế khi khách hàng chấp nhận nợ bằng ngoại tệ.

+ Tỷ giá xuất quỹ có thể tính theo nhiều phương pháp khác nhau như: Nhập trước xuất trước; Nhập sau xuất trước; Tỷ giá bình quân; Tỷ giá hiện tại.

+ Tỷ giá các khoản công nợ bằng ngoại tệ được tính bằng tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi nhận nợ.

+ Tỷ giá của các ngoại tệ đã hình thành tài sản được tính theo tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi tăng tài sản (nhập tài sản vào doanh nghiệp)

Sơ đồ 02. SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TIỀN MẶT BẰNG NGOẠI TỆ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007- Ngoại tệ các loại

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Thu nợ bằng ngoại tệ - Dthu, thu nhập khác bằng ng.tệ | <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, HH, CCDC bằng ng.tệ |
|--|--|

1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng

1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng

- Căn cứ để hạch toán trên TK 112 “ Tiền gửi ngân hàng” là các Giấy báo có, Giấy báo nợ hoặc Bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc báo chi,...)

- Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu của chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên Giấy báo nợ, Giấy báo có hoặc Bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “ Phải thu khác” (1388) nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của ngân hàng, hoặc ghi Có TK 338 “ Phải trả, phải nộp khác” (3388) nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của ngân hàng. Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Ở những đơn vị có tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại)

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Trường hợp tiền gửi vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (sau đây gọi tắt là tỷ giá giao dịch BQLNH). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng thì được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

- Trường hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, Nhập trước xuất trước, Nhập sau xuất trước, Giá thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư XDCB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 “ Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (Giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “ Chênh lệch tỷ giá hối đoái”

1.3.2. Chứng từ hạch toán tiền gửi ngân hàng

- Giấy báo có
- Giấy báo nợ
- Bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi,.....)

1.3.3. Tài khoản sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng

Hạch toán tiền gửi ngân hàng được thực hiện trên TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Kết cấu và nội dung của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Các khoản tiền gửi vào ngân hàng

Bên Có: Các khoản tiền rút ra từ ngân hàng

Dư Nợ: Số tiền hiện còn gửi ở ngân hàng

Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại ngân hàng

- + TK 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh các khoản ngoại tệ đang gửi tại ngân hàng đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- + TK 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý đang gửi tại ngân hàng

1.3.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng

Cũng tương tự như đối với TK 111 - Tiền mặt. Đồng thời cần lưu ý một số nghiệp vụ sau:

- Số lợi tức tiền gửi được hưởng:

Nợ TK 111, 112: Nếu thu tiền

Nợ TK 138 - Phải thu khác: Nếu chưa thu được

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Số chênh lệch số liệu trên sổ của doanh nghiệp so với số liệu của ngân hàng vào cuối tháng mà chưa rõ nguyên nhân:

- + Trường hợp số liệu của ngân hàng lớn hơn số liệu ghi sổ của doanh nghiệp:

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Có TK 3388 - Phải trả, phải nộp khác

Sang tháng sau, khi xác định nguyên nhân, sẽ ghi sổ theo từng trường hợp:

Nợ TK 3388 - Phải trả phải nộp khác

Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng (nếu ngân hàng ghi sổ nhầm lẫn)

Hoặc: Có TK 511 – Doanh thu bán hàng (nếu doanh nghiệp ghi thiếu)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

- + Trường hợp số liệu của ngân hàng nhỏ hơn số liệu ghi sổ kế toán của doanh nghiệp:

Nợ TK 1388 - Phải thu khác

Có TK 113 - Tiền gửi ngân hàng

Sang tháng sau khi xác định được nguyên nhân, ghi:

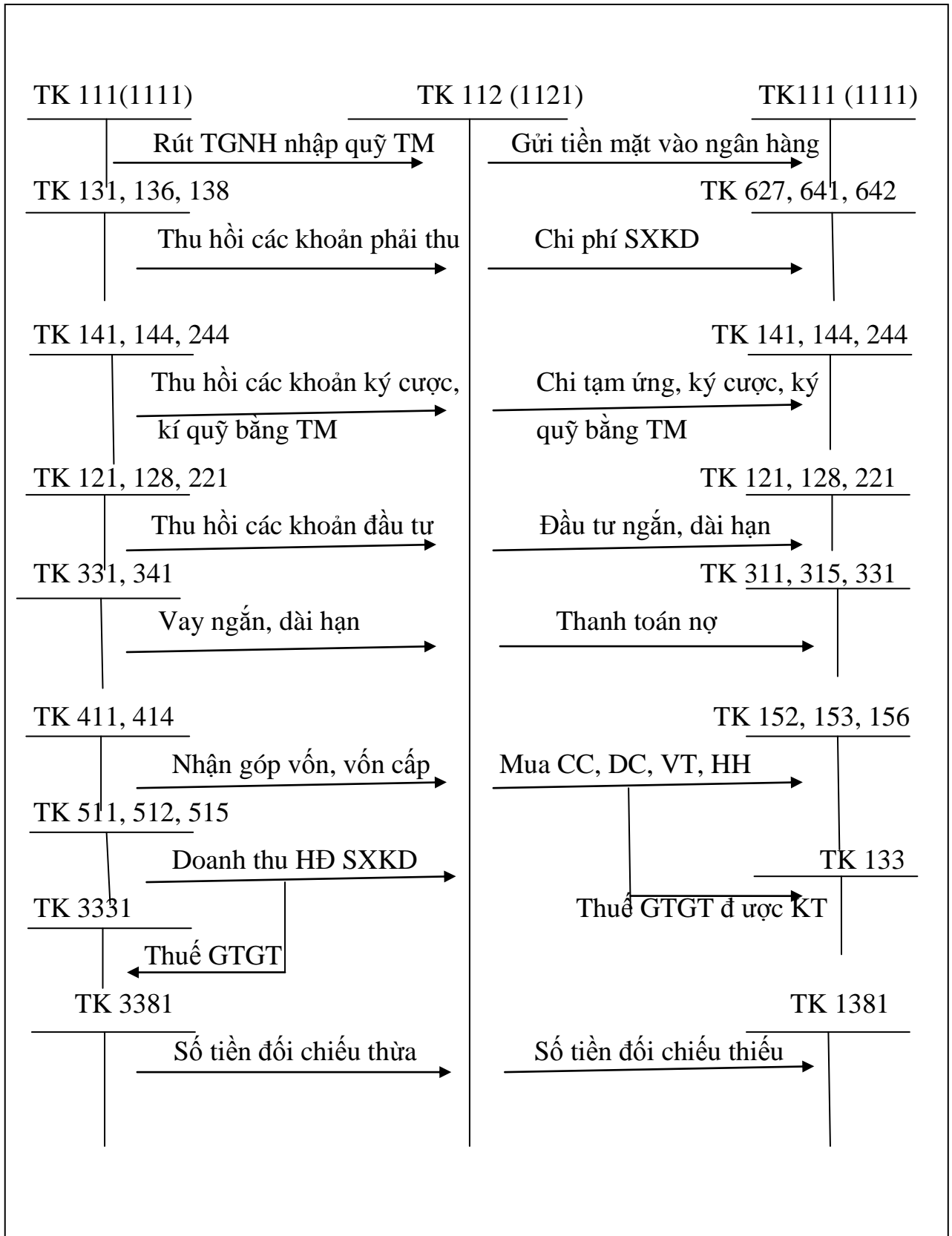
Nợ TK 112: Nếu ngân hàng ghi thiếu

Nợ TK 511: Nếu do doanh nghiệp ghi thừa

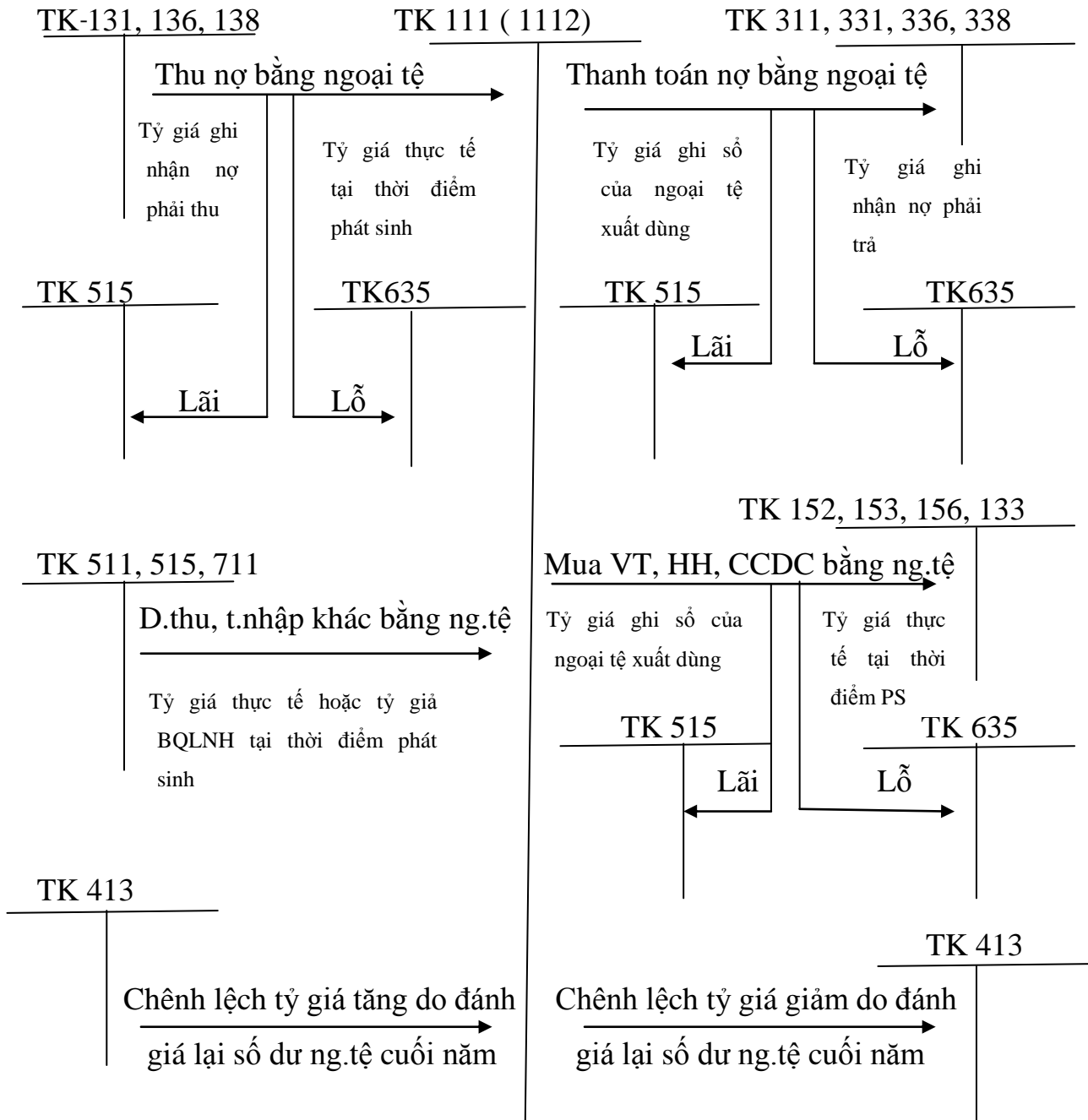
Có TK 1388: Số thừa đã xử lý

- Việc thực hiện quy đổi từ ngoại tệ tại ngân hàng sang đồng Việt Nam được thực hiện tương tự như đồng ngoại tệ tại quỹ của doanh nghiệp.

Sơ đồ 03. SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG BẰNG TIỀN VIỆT NAM



Sơ đồ 04. SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG LÀ NGOẠI TỆ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007- Ngoại tệ các loại

- Thu nợ bằng ngoại tệ
- Dthu, thu nhập khác bằng ng.tệ

- Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
- Mua vật tư, HH, CCDC bằng ng.tệ

1.4. Kế toán tiền đang chuyển

1.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển từ tài khoản của ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang ở trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho các đơn vị khác
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho Kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà Nước)
- Tiền doanh nghiệp đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền,....
- Kế toán tiền đang chuyển được thực hiện trên TK 113 - Tiền đang chuyển
- Kế toán theo dõi tiền đang chuyển lưu ý:
 - + Séc bán hàng thu được nộp vào ngân hàng trong phạm vi giá trị của séc
 - + Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời
 - + Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đối chiếu với ngân hàng

1.4.2. Chứng từ hạch toán tiền đang chuyển

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: Séc các loại, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi

1.4.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên TK 113 - Tiền đang chuyển

Nội dung và kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Tiền đang chuyển tăng trong kỳ

Bên Có: Tiền đang chuyển giảm trong kỳ

Dư Nợ: Các loại tiền còn đang chuyển

Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 1131 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tiền đang chuyển là tiền Việt Nam
- TK 1132 - Ngoại tệ: Phản ánh tiền đang chuyển bằng ngoại tệ

1.4.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển

- Thu tiền bán hàng, thu nợ khách hàng bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng (không qua quỹ), ghi:

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng

Có TK 131 - Phải thu khách hàng

- Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo có của ngân hàng (đến cuối tháng):

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển

Có TK 111 (1111, 1112) - Tiền mặt

- Làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ở ngân hàng để trả cho chủ nợ, cuối tháng chưa nhận được Giấy báo có của ngân hàng:

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển

Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

- Khách hàng ứng trước tiền mua hàng bằng séc, doanh nghiệp đã nộp séc vào ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo có:

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển

Có TK 131 - Phải thu khách hàng

- Ngân hàng báo trước các khoản tiền đang chuyển đã vào tài khoản của đơn vị:

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Có TK 113 - Tiền đang chuyển

- Ngân hàng báo về số tiền đã chuyển cho người bán, người cung cấp dịch vụ, người cho vay:

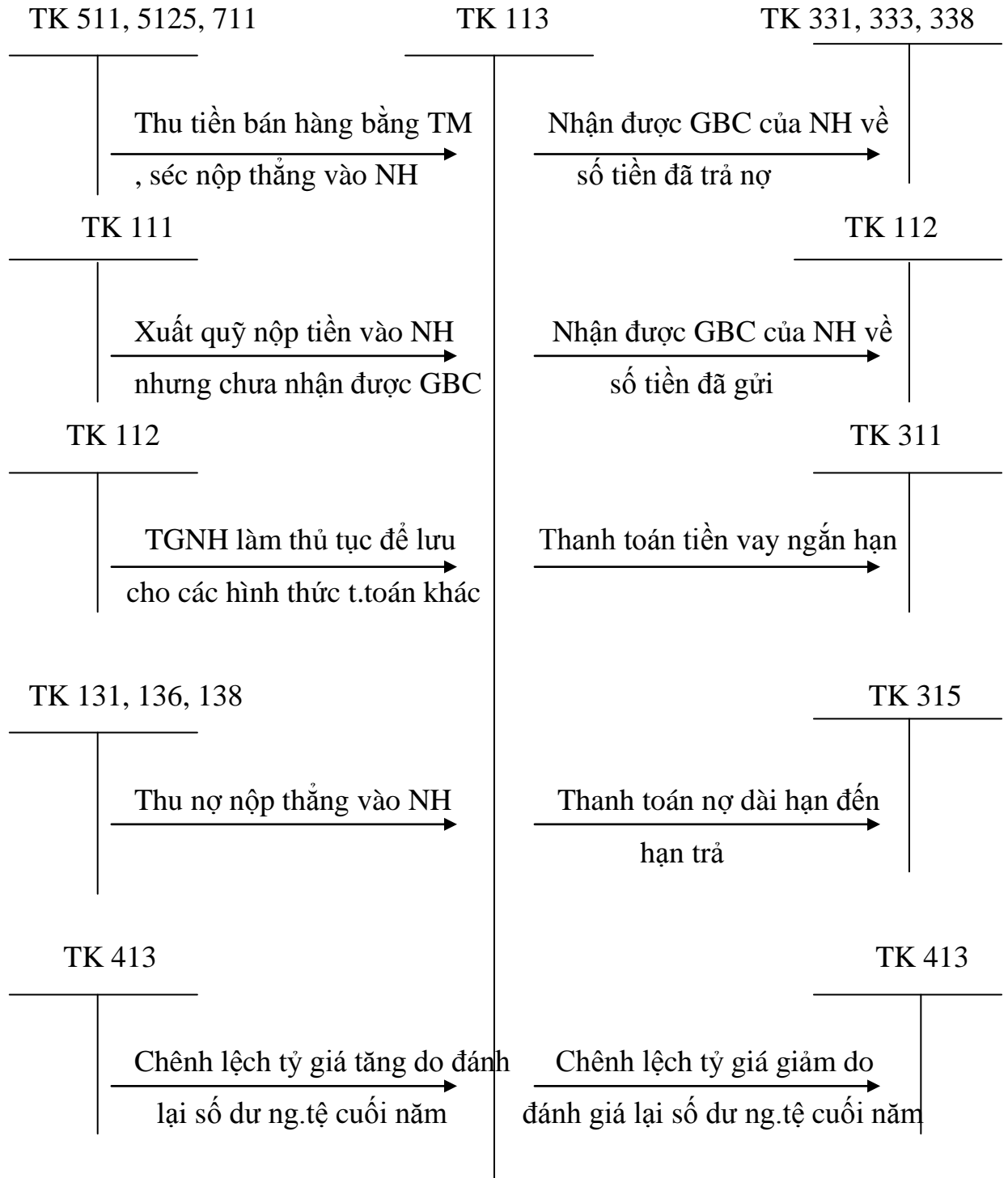
Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Nợ TK 311 – Vay ngắn hạn

Nợ TK 315 – Vay dài hạn đến hạn trả

Có TK 113 - Tiền đang chuyển

Sơ đồ 05. SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN



1.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền

Thực hiện ghi chép vào sổ sách kế toán là công việc có khối lượng rất lớn và phải thực hiện thường xuyên hàng ngày. Do đó, cần phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý hệ thống kế toán mới có thể tạo điều kiện nâng cao năng suất làm việc của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu của công tác quản lý doanh nghiệp hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan Nhà Nước.

Hình thức tổ chức kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán với Báo cáo tài chính.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phù thuộc vào một số điều kiện sau:

- Đặc điểm của từng loại hình sản xuất kinh doanh, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.
- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý
- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo quy định, có 5 hình thức tổ chức sổ kế toán:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với các hình thức kế toán tùy thuộc vào đặc điểm, quy mô, trình độ nghiệp vụ mà kế toán lựa chọn hình thức kế toán phù hợp. Theo hướng dẫn của Bộ tài chính tại Quyết định 15/2006 ngày 20/03/2006, thì doanh nghiệp có thể tổ chức hệ thống sổ kế toán theo 1 trong 5 hình thức sổ kế toán trên.

1.5.1. Hình thức Nhật ký chung

* *Đặc điểm chủ yếu:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Trường hợp đơn vị có mở sổ Nhật ký đặc biệt, nghiệp vụ kinh tế nào đã ghi vào sổ Nhật ký đặc biệt thì không ghi vào sổ Nhật ký chung nữa. Trường hợp đơn vị có mở sổ chi tiết, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để ghi sổ chi tiết. Định kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết.

* *Hệ thống sổ:*

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ Nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt, sổ cái các tài khoản (111, 112, 113).

- Sổ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết

* *Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:*

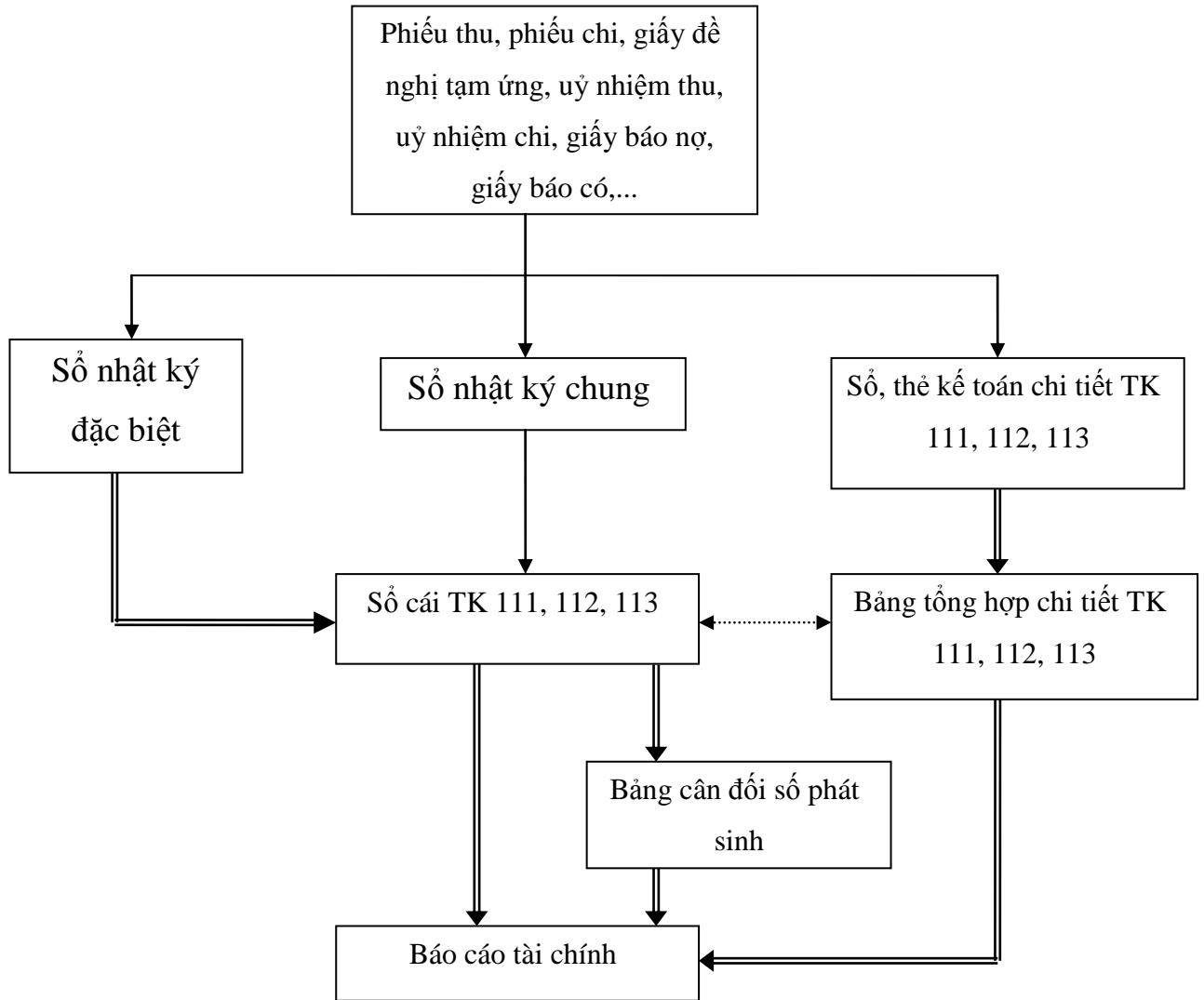
- Ưu điểm: dễ phân công lao động kế toán, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép

- Nhược điểm: Ghi chép trùng lặp nhiều lần

- Phạm vi sử dụng: Ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, nhiều tài khoản, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trình độ nghiệp vụ của kế toán vững vàng.

* *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau:*

Sơ đồ 06. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



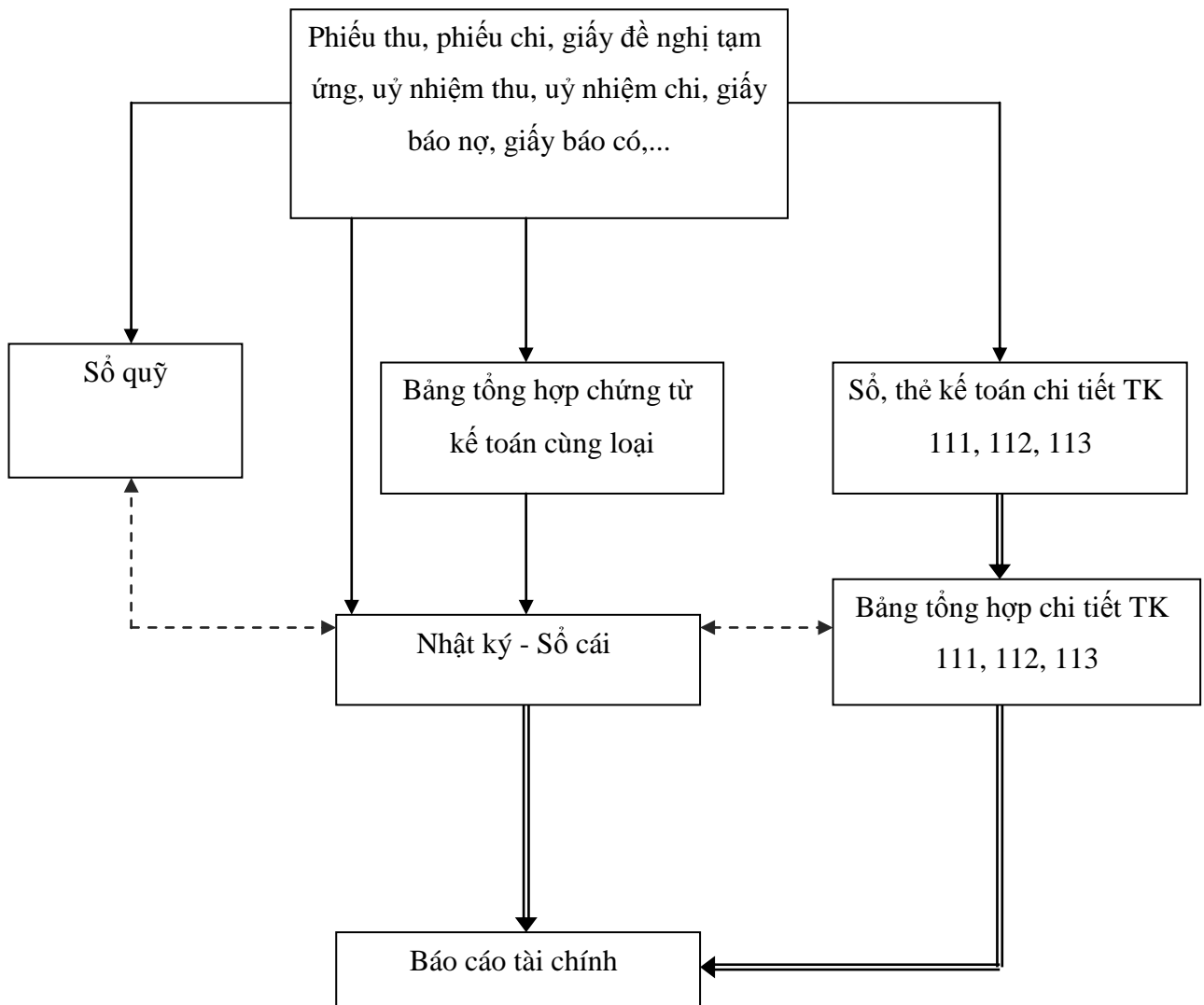
Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

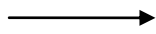
1.5.2. Hình thức Nhật ký - Sổ cái

- * *Đặc điểm chủ yếu:* Hình thức sổ kế toán Nhật ký - sổ cái có đặc điểm chủ yếu là mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.
- * *Hệ thống sổ bao gồm:*
 - Sổ Nhật ký - sổ cái
 - Sổ kế toán chi tiết
 - Bảng tổng hợp chi tiết
- * *Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:*
 - Ưu điểm: dễ ghi chép, dễ đối chiếu kiểm tra số liệu
 - Nhược điểm: khó phân công lao động, khó áp dụng phương tiện kỹ thuật tính toán, đặc biệt nếu doanh nghiệp sử dụng nhiều tài khoản, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh lớn thì hình thức Nhật ký - sổ cái sẽ rất công kênh và phức tạp.
 - Phạm vi sử dụng: trong các doanh nghiệp quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít và sử dụng ít tài khoản.
- * *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái:*

Sơ đồ 07. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái



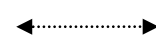
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

* *Đặc điểm chủ yếu:* Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ) và chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng phê duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

* *Hệ thống sổ kế toán:*

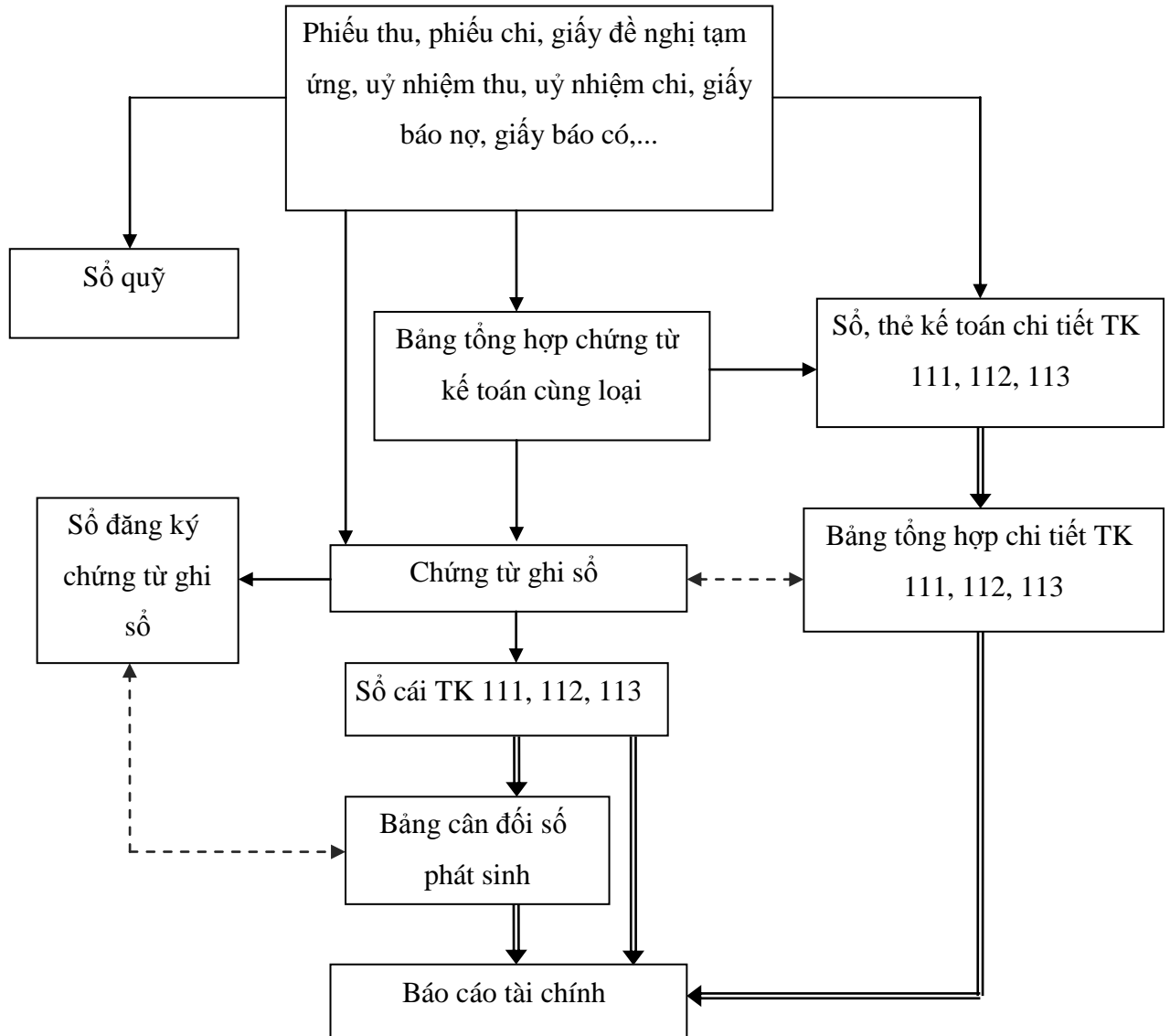
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết

* *Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:*

- Ưu điểm: dễ ghi chép do mẫu sổ đơn giản, thuận tiện cho việc phân công công tác kế toán
- Nhược điểm: Ghi chép còn trùng lặp, việc kiểm tra đối chiếu thường bị chậm
- Phạm vi sử dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

* *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:*

Sơ đồ 08. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



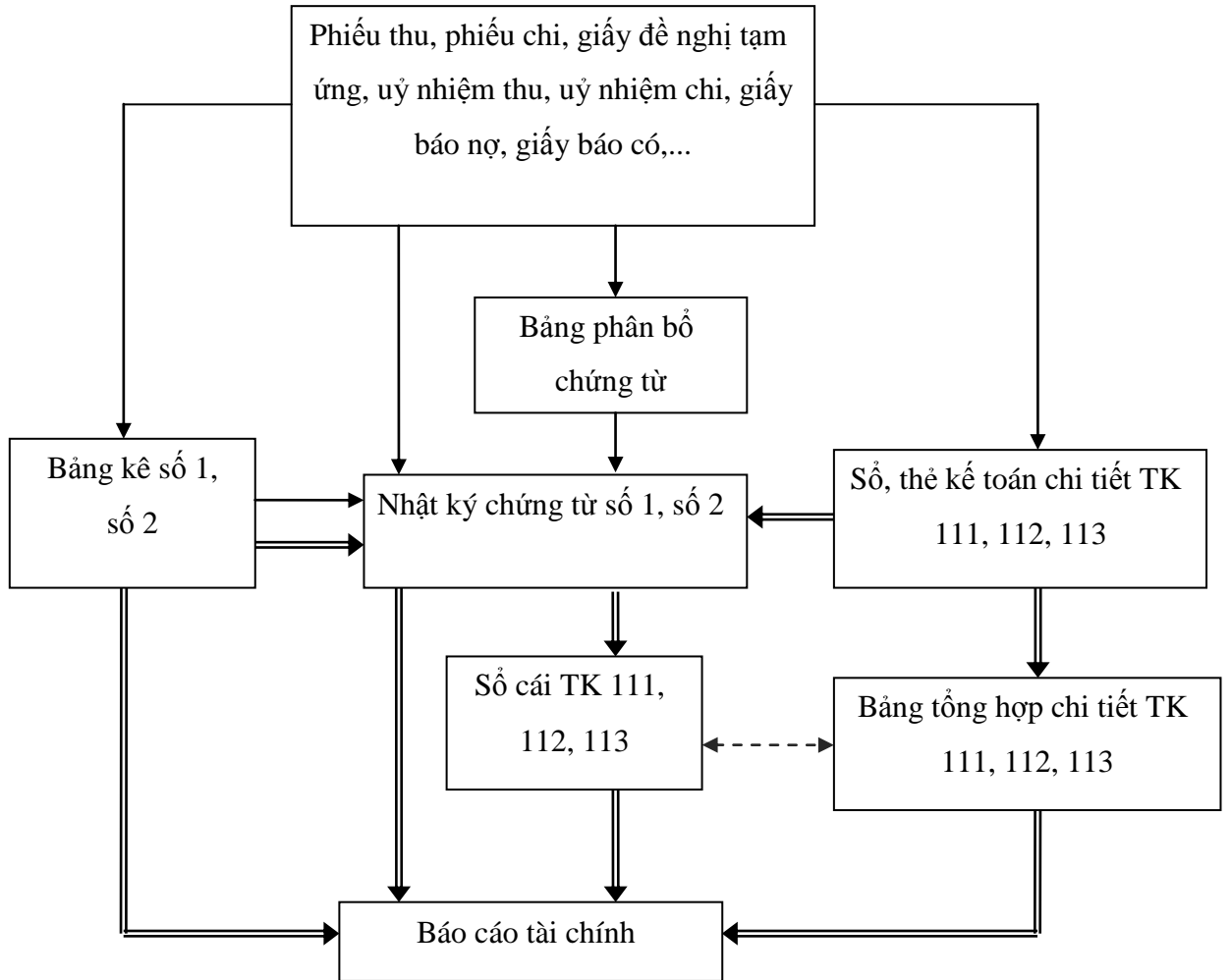
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

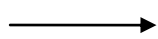
1.5.4. Hình thức Nhật ký - Chứng từ

- * *Đặc điểm chủ yếu:* Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản, kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép. Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.
- * *Hệ thống sổ kế toán:*
 - Nhật ký chứng từ (số 1 - số 10)
 - Bảng kê (số 1 - số 11 trừ số 7)
 - Sổ cái
 - Sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết
- * *Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:*
 - Ưu điểm: Giảm bớt khối lượng ghi chép, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác.
 - Nhược điểm: Kết cấu sổ phức tạp, không thuận tiện cho cơ giới hoá
 - Phạm vi sử dụng: Ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trình độ nghiệp vụ của kế toán vững vàng
- * *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ:*

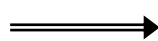
Sơ đồ 09. Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ



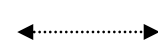
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

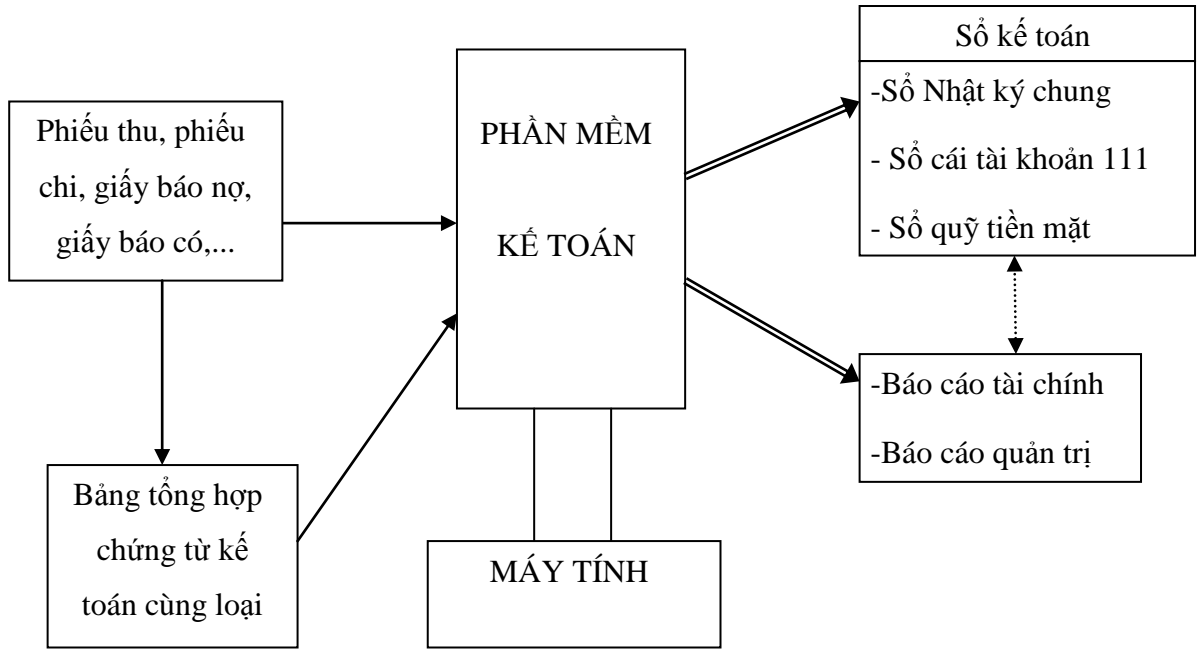


Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

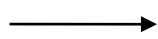
1.5.5. Hình thức kế toán máy

- * *Đặc điểm chủ yếu:* Tự động xử lý thông tin kế toán từ khâu lập chứng từ gốc, phân loại chứng từ, ghi chép sổ sách, xử lý thông tin chứng từ sổ sách theo chế độ kế toán đến khâu in sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị,.....
- * *Hệ thống sổ kế toán:* Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.
- * *Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:*
 - Ưu điểm: Chính xác, hiệu quả, chuyên nghiệp, dễ sử dụng
 - Nhược điểm: Phải mất nhiều tiền mua bản quyền phần mềm kế toán về cài đặt và áp dụng cho toàn hệ thống kế toán của doanh nghiệp
 - Phạm vi sử dụng: Rộng rãi, có thể áp dụng đối với mọi hình thức kế toán
- * *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy*

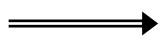
Sơ đồ 10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



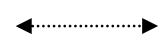
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng

- Tên đơn vị : Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng
- Địa chỉ: Tràng Kênh_Thị trấn Minh Đức_Thủy Nguyên_Hải Phòng
- Điện thoại: + 84-031-3875359
- Fax: +84-031-3875365
- Website: <http://www.ximanghaiphong.com.vn>
- Email: ximanghaiphong@ximanghaiphong.com.vn



- Hình thức sở hữu vốn: là đơn vị Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam, được thành lập

theo quyết định 353/BXD – TCLĐ ngày 09//08/1993 của Bộ trưởng Bộ xây dựng, đăng kí kinh doanh số 108194 ngày 15/09/1993 của Trọng tài kinh tế Nhà nước thành phố Hải Phòng và thay đổi lần thứ 9 ngày 30/09/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: sản xuất, cung ứng xi măng, Clinker và khai thác đá
- Sản phẩm sản xuất bao gồm:
 - + Xi măng đen Porland PCB30, PCB40 biểu tượng “Con rồng xanh” sử dụng cho các công trình xây dựng dân dụng.
 - + Xi măng trắng PCW30 có đặc tính lí hoá và có độ trắng >75% so với BaSO₄ tinh khiết được sử dụng làm vật trang trí nội thất
 - + Clinker cung cấp cho các công ty xi măng khác như công ty xi măng Hoàn Thạch, công ty xi măng Hà Tiên.

Tiền thân của công ty Xi măng Hải Phòng là nhà máy Xi măng Hải Phòng được khởi công xây dựng vào ngày 25/12/1899 trên vùng ngã ba sông Cấm và kênh đào Hạ Lý - Hải Phòng. Đây là nhà máy xi măng lớn đầu tiên tại Đông Dương được người Pháp khởi công xây dựng. Trong thời kì Pháp thuộc, Xi măng Hải Phòng là cơ sở duy nhất ở Đông Dương phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của thực dân. Sản lượng cao nhất trong thời kì Pháp thuộc là 39 triệu tấn

Năm 1955, Chính Phủ Cách mạng tiếp quản và đưa vào sử dụng, phục vụ cho công cuộc cách mạng của đất nước.

Năm 1961, nhà máy khởi công xây dựng mới thêm 2 dây chuyền lò quay

Năm 1964, với toàn bộ dây chuyền 7 lò quay, nhà máy đã sản xuất được 592.055 tấn xi măng, là mức cao nhất trong những năm hoà bình xây dựng. Với sự giúp đỡ của nước bạn Rumani, năm 1969 nhà máy sửa chữa và xây dựng được 3 lò nung mới. Thời kì này, sản lượng cao nhất là 67 vạn tấn.

Tháng 8 năm 1993 theo quyết định của Nhà nước sáp nhập nhà máy Xi măng Hải Phòng với ngành nghề sản xuất, kinh doanh xi măng vận tải, sửa chữa, khai thác đá.

Ngày 30/11/2005, lò nung Clinker của nhà máy Xi măng Hải Phòng mới đưa vào sản xuất. Ngày 24/01/2006, lò nung nhà máy cũ dừng hoạt động

Ngày 12/05/2006, hệ thống nghiền đóng bao mới của nhà máy mới hoàn thành đưa vào sản xuất, dây chuyền nhà máy mới đi vào hoạt động đồng bộ. Ngày 31/05/2006, hệ thống nghiền xi măng nhà máy cũ dừng hoạt động. Theo thông báo số 866/XMHP – KH ngày 27/05/2006, công ty Xi măng Hải Phòng chấm dứt toàn bộ mọi hoạt động sản xuất tại nhà máy cũ ở số 1 đường Hà Nội thành phố Hải Phòng, chuyển về hoạt động tại nhà máy mới nằm trên địa bàn thị trấn Minh Đức - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng.

Tháng 07/2011, Công ty Xi măng Hải Phòng đổi tên thành công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng và đây là tên chính thức được sử dụng cho đến nay.

2.1.2. Đặc điểm, ngành nghề, quy trình sản xuất kinh doanh

2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh

Chuyên sản xuất, cung ứng xi măng đen Vicem PCB30, PCB40 biểu tượng “Con rồng xanh” cho các công trình xây dựng, các đại lý bán buôn, bán lẻ trên khu vực thành phố Hải Phòng và các tỉnh, thành phố lân cận.

Sản phẩm của công ty mang tính chất đặc trưng vì vậy công ty chủ yếu tập trung nâng cao dây chuyền công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty

Hoạt động sản xuất của công ty được tổ chức theo từng phân xưởng, dưới các phân xưởng bố trí thành tổ, đội nhỏ. Công ty có:

- + 4 phân xưởng sản xuất chính: phân xưởng mỏ, phân xưởng liệu, phân xưởng lò nung, phân xưởng nghiền đóng bao.

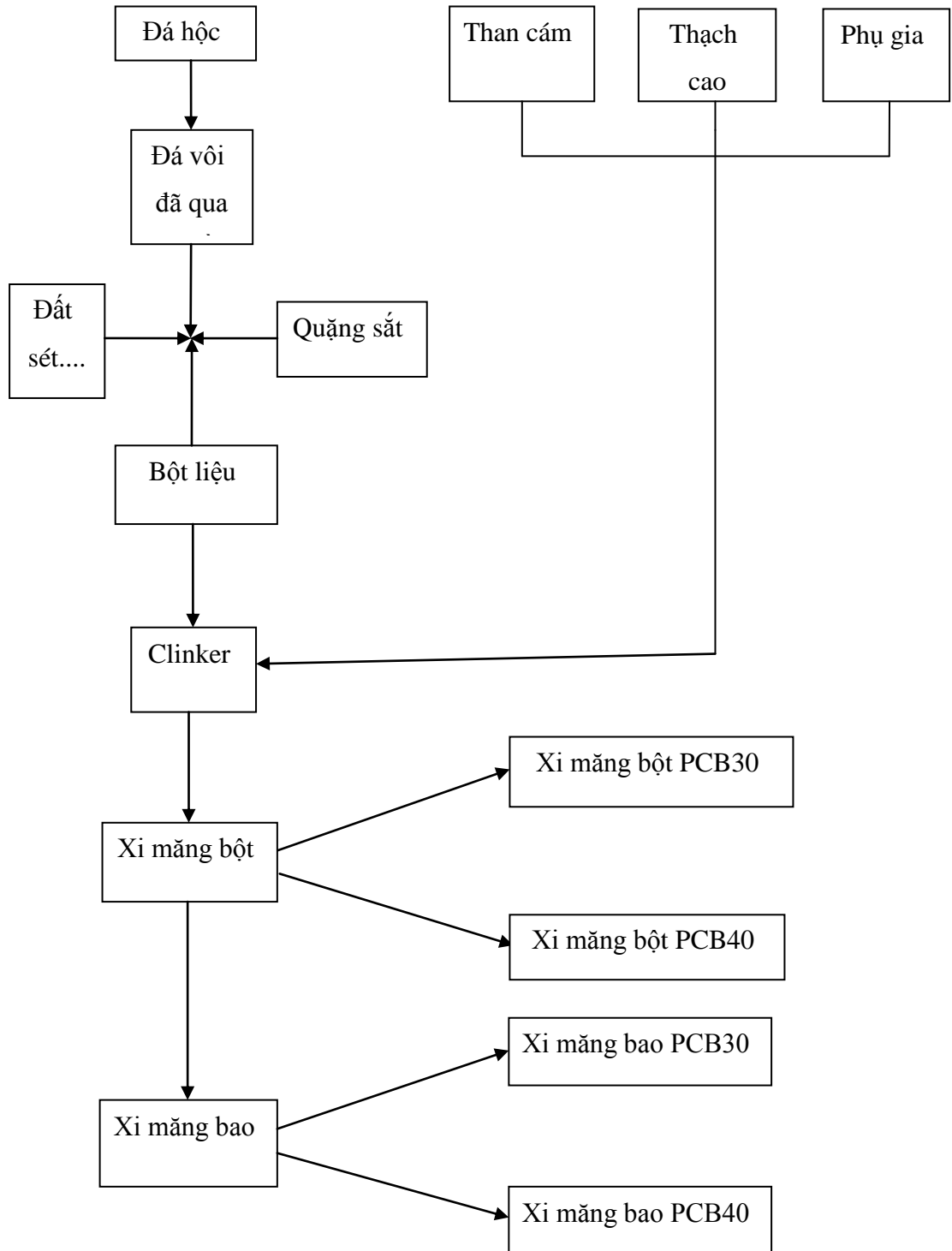
- + 3 phân xưởng sản xuất phụ trợ: phân xưởng cơ khí, phân xưởng điện tự động hoá, phân xưởng nước.
- + Bộ phận phục vụ mang tính sản xuất: tổng kho, kho sản phẩm

2.1.2.3. Quy trình công nghệ sản xuất tại công ty

Đá vôi được khai thác từ núi đá Tràng Kênh có kích thước 250 – 300 mm chuyển tới xưởng mỏ đưa vào máy đập búa nghiền thành cỡ 20 – 25 mm, sau đó chuyển đến két chứa cùng với đất sét và quặng sắt trộn với quỳ khô nghiền nhỏ, điều chế ra bột liệu. Sản phẩm của bột liệu thu hồi từ tổ hợp cyclone và lọc tĩnh điện. Sau đó bột liệu được chuyển tới Silô đưa vào lò nung. Lò nung có hình ống làm bằng tôn, dây chuyền chịu nhiệt được đặt nằm ngang theo một độ chệch nhất định. Trong thân lò được xây một lớp gạch chịu lửa và các thiết bị trao đổi nhiệt. Clinker thu được sau quá trình nung luyện đưa vào máy làm nguội. Clinker được chuyển qua phân xưởng nghiền và đóng bao. Tại đây, clinker trộn với phụ gia tạo ra xi măng bột (các loại đá như đá đen, đá bazan, đá Đitomit được nghiền thành các phụ gia). Xi măng bột ở đây có 2 loại là XM bột PCB30 và XM bột PCB40. XM bột chuyển sang công đoạn sau đóng bao để sản xuất ra xi măng bao PCB30 và PCB40.

Quy trình sản xuất xi măng trên gọi là quy trình sản xuất theo phương pháp khô.

Sơ đồ 11: Quy trình công nghệ sản xuất của Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng



2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn và phương hướng phát triển của công ty

Việt Nam là một quốc gia nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động nhất hiện nay. Do đó có rất nhiều tiềm năng cho các công ty phát triển nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với rất nhiều những thử thách lớn. Đứng trước những cơ hội và thách thức như vậy, đòi hỏi công ty phải có đủ sức mạnh, năng lực để đón nhận những cơ hội và đối đầu với những thách thức đó. Muốn giành được thế chủ động thì công ty phải nắm rõ được những thuận lợi và khó khăn của mình.

2.1.3.1. Thuận lợi

Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng hoạt động trong ngành sản xuất xi măng từ rất lâu đời, với bề dày hơn 100 năm hình thành và phát triển, với biểu tượng “ Con rồng xanh”, xi măng Vicem Hải Phòng đã tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Thương hiệu Xi măng Vicem Hải Phòng được nhiều người biết đến, đặc biệt hình ảnh Xi măng Vicem Hải Phòng còn được quảng cáo thông qua Câu lạc bộ bóng đá Xi măng Hải Phòng

Vị trí địa lý là một thế mạnh của công ty. Do gần nguồn nguyên liệu núi đá vôi Tràng Kênh – Minh Đức - Thủy Nguyên và nằm giáp sông Bạch Đằng nên thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hoá trên cả đường bộ và đường thủy, giúp tiết kiệm được chi phí và giảm giá thành sản phẩm.

Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, giàu kinh nghiệm, có năng lực, có tinh thần đoàn kết sáng tạo, ý thức xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh

Các chế độ chính sách của Nhà nước ban hành đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn cho công ty, tạo điều kiện cho công ty hoạt động sản xuất kinh doanh một cách có lợi nhất.

2.1.3.2. *Khó khăn*

Thị trường tiêu thụ xi măng Hải Phòng còn nhỏ hẹp trong khi đối thủ cạnh tranh ngày càng nhiều. Trong tình hình hiện nay, ngành xây dựng của Việt Nam và thế giới không ngừng phát triển, việc tìm ra những thị trường mới để tiêu thụ sản phẩm là cần thiết và cũng là thách thức lớn đối với công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng.

Hiện nay công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng đang phải đối mặt với rất nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường, không chỉ những công ty cùng thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam mà còn cả những công ty liên doanh, liên kết với nước ngoài: xi măng Bim Sơn, xi măng Hoàng Thạch, xi măng Cẩm Phả..., đặc biệt là sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của Công ty xi măng Chinfon trên cùng một địa bàn Hải Phòng.

Trước sự gia tăng nhanh chóng của các nhà máy sản xuất xi măng, sự biến động của những thị trường nguyên liệu đầu vào, tình hình kinh tế thế giới với nhiều biến động khó lường. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008 – 2009 vẫn còn những dư âm chưa thể khắc phục và Việt Nam cũng bị ảnh hưởng khá lớn nên cũng gây không ít khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong cả nước trong đó có công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng.

Cuối năm 2009, do nước cạn ảnh hưởng đến việc vận chuyển bằng đường biển đi từ Hải Phòng đi Phú Thọ, Vĩnh Phúc đã làm giảm lượng tiêu thụ xi măng Hải Phòng tại các tỉnh phía Bắc. Do hiệp hội vận tải biển ra yêu sách đình công đòi tăng giá cước vận tải, khiến nhà phân phối khó tìm được tàu vận chuyển, ảnh hưởng đáng kể đến tiêu thụ tại miền Trung và miền Nam.

2.1.3.3. *Phương hướng phát triển trong những năm tới*

Đại hội đại biểu Đảng bộ Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng lần thứ 30, nhiệm kỳ 2010 – 2015 đã nêu ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ tới. Đó là: phấn đấu đến năm 2014 trả hết cả vốn gốc và lãi vay đầu tư xây dựng nhà máy mới; nộp ngân sách 100 -120 tỷ đồng; lợi nhuận

100 – 150 tỷ đồng; thu nhập bình quân 10 triệu đồng/người/tháng.... Đồng thời yêu cầu Đảng bộ công ty cần quan tâm xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm lâu dài, bền vững; chuẩn bị tốt nguồn nguyên liệu cho việc mở rộng quy mô sản xuất của công ty; phấn đấu giảm giá thành sản phẩm phục vụ cho chiến lược hướng ra xuất khẩu; xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về chính trị, giỏi về quản lý điều hành, năng động, sáng tạo trong cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp ngày càng vững mạnh....

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty

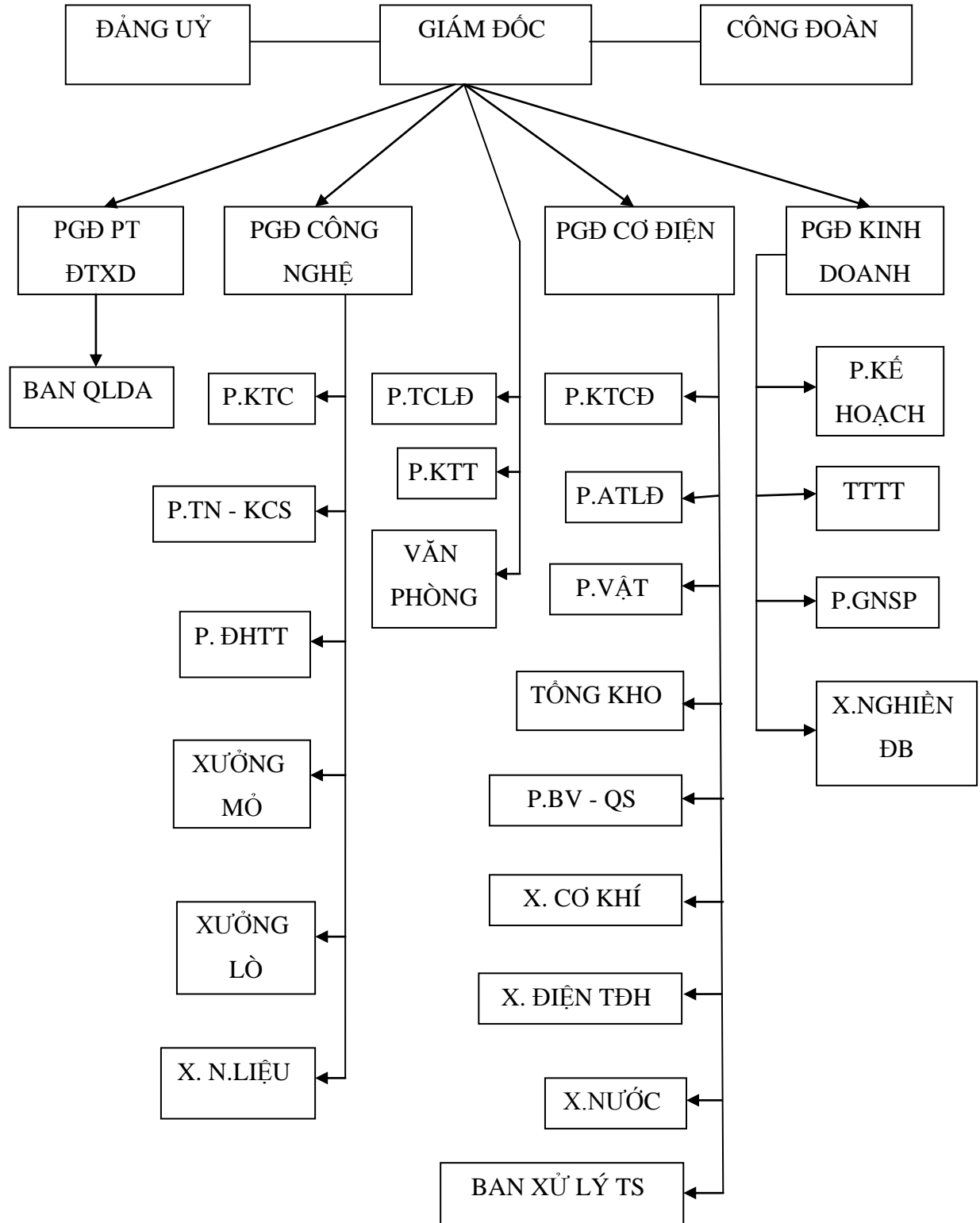
2.1.4.1. Loại hình tổ chức của Công ty

Tổ chức bộ máy quản lý là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty xi măng Vicem Hải Phòng. Bộ máy quản lý chặt chẽ, có nhiều kinh nghiệm với trình độ chuyên môn cao tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của Công ty.

Hiện nay, mô hình cơ cấu tổ chức của công ty xi măng Vicem Hải Phòng được thực hiện theo cơ cấu trực tuyến, thể hiện bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ 12: Cơ cấu tổ chức Bộ máy quản lý Công ty TNHH MTV Xi măng

Vicem Hải Phòng:



2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý Công ty

- + Giám đốc phụ trách trực tiếp phụ trách các phòng ban: văn phòng, phòng tổ chức lao động, phòng kế toán thống kê tài chính và cùng với 4 phó giám đốc quản lý, điều hành các phân xưởng sản xuất và các phòng ban.
- + Phó giám đốc cơ điện trực tiếp chỉ đạo khối sản xuất: phòng kỹ thuật cơ điện, phòng điều độ, phân xưởng cơ khí, phòng vật tư, phân xưởng điện tự động....
- + Phó giám đốc công nghệ trực tiếp chỉ đạo khối kỹ thuật và các phòng ban như phòng kỹ thuật công nghệ, phòng thí nghiệm KCS, phòng điều hành trung tâm, xưởng mỏ, xưởng lò, xưởng nguyên liệu.
- + Phó giám đốc kinh doanh: chịu trách nhiệm trong việc kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm quản lý các phòng ban như: phòng kế hoạch, trung tâm tiêu thụ, phòng giao nhận sản phẩm, xưởng nghiền đóng bao.
- + Phó giám đốc công ty kiêm trưởng ban quản lý dự án nhà máy mới trực tiếp chỉ đạo quản lý đầu tư xây dựng, đảm bảo tiến độ xây dựng và chất lượng xây dựng nhà máy mới.

+ Các phòng ban: 15 phòng ban

Các phòng ban, đơn vị chức năng có nhiệm vụ giúp giám đốc trong việc quản lý, tổng hợp thông tin, đề xuất ý kiến, triển khai thực hiện các công việc cụ thể được giao cho đơn vị mình nhằm hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ đảm bảo tiến độ và chất lượng

Các phòng ban gồm:

- Phòng thí nghiệm KCS
- Phòng điều hành trung tâm
- Phòng tổ chức lao động.

- Phòng kế toán thống kê tài chính
 - Văn phòng
 - Phòng kỹ thuật cơ điện
 - Phòng an toàn lao động và môi trường
 - Phòng vật tư
 - Phòng bảo vệ quân sự
 - Phòng giao nhận sản phẩm
 - Phòng kế hoạch
 - Trung tâm tiêu thụ
 - Ban quản lý dự án
 - Phòng kỹ thuật công nghệ
- 4 phân xưởng chính:
 - Phân xưởng nguyên liệu
 - Phân xưởng mỏ
 - Phân xưởng lò
 - Phân xưởng nghiền đóng bao
 - 3 phân xưởng phụ trợ:
 - Phân xưởng cơ khí
 - Phân xưởng điện tự động hoá
 - Phân xưởng sửa chữa công trình
 - Tổng kho: quản lý, cấp phát, thu hồi vật tư, bảo quản thiết bị, phụ tùng, nguyên vật liệu và các mặt hàng khác phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận

Do hoạt động trên địa bàn rộng, qui mô sản xuất lớn, tổ chức sản xuất kinh doanh thành nhiều bộ phận xí nghiệp, chi nhánh với nhiệm vụ chính là: sản xuất, cung ứng xi măng, bao bì và khai thác đá nên công ty đã lựa chọn

mô hình tổ chức công tác kế toán vừa tập trung vừa phân tán, rất phù hợp với điều kiện của công ty.

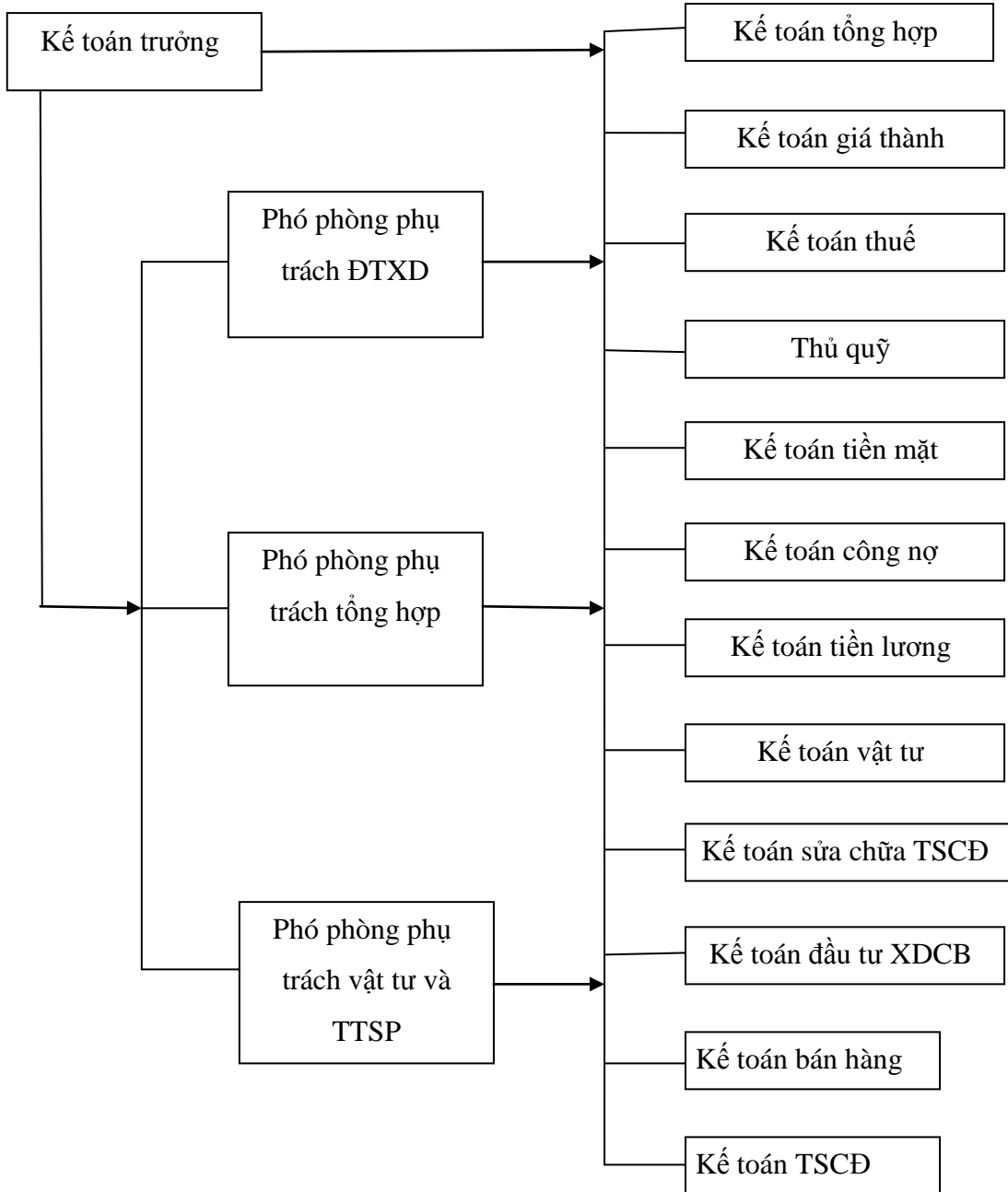
Công việc kế toán các hoạt động sản xuất kinh doanh ở các bộ phận, chi nhánh xa văn phòng có thể sẽ được công ty phân cấp cho bộ phận kế toán ở các bộ phận, chi nhánh đó thực hiện, định kì tổng hợp số liệu gửi về phòng kế toán trung tâm. Đối với bộ phận chi nhánh trực thuộc gần công ty thì toàn bộ công việc kế toán từ khâu thu thập, xử lí, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán, phân tích kết quả kinh doanh đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán của công ty.

Phòng kế toán trung tâm thực hiện các nghiệp vụ chung toàn công ty trên cơ sở hệ thống máy tính được nối mạng với các máy tính đơn vị phụ thuộc.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức như sau:

Đứng đầu là trưởng phòng kế toán (Kế toán trưởng): chịu trách nhiệm cao nhất về công tác kế toán tài chính tại công ty. Dưới kế toán trưởng có 3 phó phòng kế toán: 1 người phụ trách kế toán tổng hợp, 1 người phụ trách mảng đầu tư và xây dựng, 1 người phụ trách về vật tư và tiêu thụ sản phẩm.

Sơ đồ 13. Bộ máy kế toán Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng



Chức năng và nhiệm vụ

❖ Kế toán trưởng:

✓ Nhiệm vụ của kế toán trưởng:

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán trong đơn vị
- Giúp người đại diện theo pháp luật của đơn vị giám sát tài chính tại đơn vị kế toán.
- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị.
- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán.
- Lập báo cáo tài chính.

✓ Kế toán trưởng có quyền:

- Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.
- Yêu cầu các bộ phận có liên quan trong đơn vị kế toán cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc.
- Báo cáo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị.

❖ *Kế toán tổng hợp:*

Tổng hợp quyết toán toàn công ty, lập báo cáo tài chính, tập hợp chi phí tính giá thành, kê khai quyết toán thuế, theo dõi tài sản cố định.

❖ *Kế toán ngân hàng:*

Theo dõi công nợ với ngân hàng, theo dõi và thanh toán vốn vay tiền gửi ngân hàng, mua, quản lý và cấp phát hoá đơn cho toàn công ty. Viết phiếu thu, phiếu chi mở sổ theo dõi tiền mặt.

❖ *Kế toán tiền lương và vật tư:*

Theo dõi, hạch toán hàng tồn kho, thống kê toàn công ty. Theo dõi thu nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, căn cứ vào

bảng chấm công và đơn giá tiền lương để tính toán tiền lương cho toàn công ty.

2.1.6. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

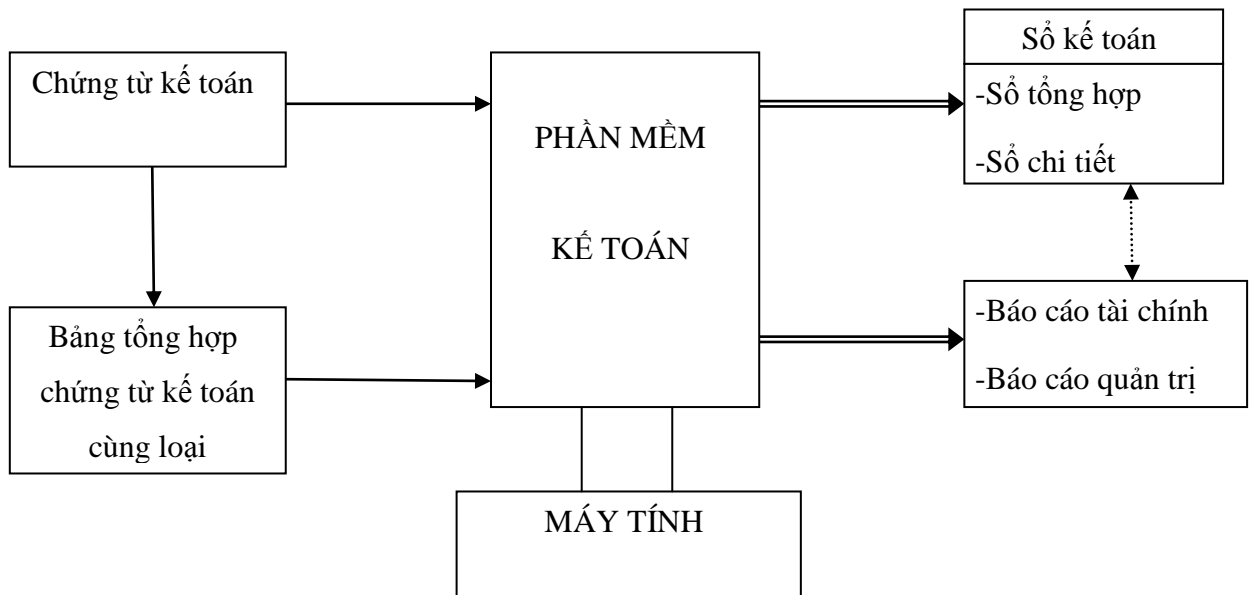
* **Một số chính sách kế toán của công ty:**

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Hình thức sổ kế toán:

Hiện nay công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng đang áp dụng hình thức kế toán máy. Phần mềm kế toán công ty đang sử dụng là phần mềm Fast Accounting 2002.

Sơ đồ 14. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hiện nay Công ty xi măng Vicem Hải Phòng đang sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting 2002. Việc ứng dụng kế toán máy không những làm giảm nhẹ được khối lượng tính toán mà còn tăng được hiệu quả của công tác kế toán nói riêng, công tác quản lý tài chính nói chung. Kế toán chỉ cần thực hiện một số công việc như:

- Phân loại, bổ sung thông tin chi tiết vào chứng từ gốc
- Nhập dữ liệu từ chứng từ vào máy
- Kiểm tra, phân tích số liệu trên các sổ, báo cáo kế toán để có thể đưa ra quyết định phù hợp.

Máy tính sẽ tự động tính toán, ghi sổ kế toán chi tiết, tổng hợp, chuyển số liệu từ các sổ kế toán sang các báo cáo kế toán.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kinh tế phát sinh, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm máy tính Fast Accounting. Theo chương trình cài đặt sẵn máy tính sẽ tự động xử lý dữ liệu ghi vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào các sổ, thẻ chi tiết. Từ sổ Nhật ký chung máy tính sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào các sổ cái liên quan.

Cuối kì, kế toán thực hiện các thao tác trên máy tính tổng hợp số liệu từ các sổ, thẻ chi tiết lập các Bảng tổng hợp chi tiết. Từ các sổ cái tổng hợp số liệu lập các Bảng tổng hợp cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết trên phần mềm kế toán thì kế toán tổng hợp số liệu lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- 1- Sổ Nhật ký chung
- 2- Sổ cái
- 3- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

* **Báo cáo kế toán:**

Hệ thống báo cáo tài chính nộp cho các cơ quan Nhà Nước bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01 – DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B04 – DN)

* **Đối với hàng tồn kho:**

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty sử dụng đồng thời cả 2 phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kì.

Đối với những mặt hàng dễ định lượng, dễ kiểm đếm thì công ty xác định lượng và giá cho từng lần nhập xuất. Còn đối với mặt hàng ngoài kho bãi, khó kiểm đếm thì cuối kì xác định số lượng xuất theo công thức cân đối:

$$\text{Xuất trong kì} = \text{Tồn đầu kì} + \text{Nhập trong kì} - \text{Tồn cuối kì}$$

Trị giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

* **Phương pháp khấu hao:**

Công ty sử dụng phương pháp đường thẳng, trích khấu hao cơ bản theo quyết định 206/2003/QĐ – BTC ngày 12/12/2003.

* **Kê khai và nộp thuế GTGT:** theo phương pháp khấu trừ

* **Hệ thống tài khoản sử dụng trong công ty:**

Công ty Xi măng Vicem Hải Phòng sử dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán mới do Bộ tài chính ban hành, được sử dụng thống nhất trong Tổng công ty xi măng Việt Nam. Căn cứ vào hệ thống tài khoản do Tổng công ty quy định, công ty được phép mở tài khoản chi tiết để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

* **Kỳ kế toán của công ty:** Tháng

* **Về niên độ kế toán:** bắt đầu kể từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

* **Đơn vị tiền tệ:** tiền hạch toán là tiền VNĐ. Tất cả các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ khác VNĐ sẽ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá cố định tháng. Cuối mỗi tháng, sẽ thực hiện đánh giá lại ngoại tệ, tỷ giá đánh giá lại cuối tháng sẽ được dùng để hạch toán cho tháng tiếp theo.

2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động tồn tại dưới hình thức tiền tệ, tham gia cung cấp vốn cho quá trình kinh doanh trong công ty. Đặc trưng của vốn bằng tiền là tính thanh khoản cao, do vậy vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thanh toán.

Vì vậy, công ty rất coi trọng việc kiểm soát vốn bằng tiền, sử dụng vốn bằng tiền sao cho hiệu quả, khoa học, hợp lý và kịp thời.

Vốn bằng tiền của công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng bao gồm:

- Tiền mặt : TK 111
- Tiền gửi ngân hàng : TK 112

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là VNĐ. Trường hợp công ty có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng thì đều được quy đổi ngoại tệ ra VNĐ theo tỉ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

- Tiến hành ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác tình hình hiện có và sự biến động của vốn bằng tiền trong đơn vị.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp với yêu cầu và trình độ quản lý của đơn vị nhằm phục vụ cho việc thu nhận, xử lý, hệ thống hóa vốn bằng tiền tại đơn vị.

- Thông qua hạch toán vốn bằng tiền. Kế toán tiến hành kiểm tra, giám sát kế hoạch thu, chi và quản lý vốn bằng tiền. Qua đó, phát hiện, ngăn chặn các hành vi tham ô, lãng phí tiền và hành vi vi phạm chế độ kế toán tài chính

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 –TT)

- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 04 –TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 –TT)
- Các chứng từ khác có liên quan.....

Trong đó phiếu thu, phiếu chi được đóng thành quyển và quyển được đánh số theo thứ tự từ 1 đến n theo năm. Số phiếu thu, phiếu chi cũng được đánh số thứ tự từ 1 đến n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác.

Mọi khoản thu, chi tiền mặt đều phải có phiếu thu, phiếu chi hợp lệ. Phiếu thu được lập thành 3 liên, sau đó chuyển cho kế toán trưởng soát xét và giám đốc ký duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên. Đối với phiếu chi, kế toán cũng lập 3 liên và chỉ sau khi có đủ chữ ký (ký trực tiếp theo từng liên) của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc và thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền phải trực tiếp ghi rõ số tiền bằng chữ, ký và ghi rõ họ tên vào phiếu chi.

Phiếu thu, phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên(đặt giấy than viết một lần):

- Liên 1: Lưu tại nơi lập phiếu
- Liên 2: Giao cho người nộp tiền, nhận tiền
- Liên 3: Thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán vốn bằng tiền cùng với các chứng từ gốc để vào sổ kế toán.

Cuối ngày, toàn bộ phiếu thu, phiếu chi kèm chứng từ gốc được chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán. Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài đều được đánh dấu.

Phiếu chi đi kèm với Hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT) liên 2: Giao cho khách hàng (màu đỏ)

Phiếu thu đi kèm với Hoá đơn GTGT liên 3: Lưu nội bộ (màu xanh)

2.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng sử dụng TK 111 - Tiền mặt (Chi tiết TK 1111 - Tiền Việt Nam) để phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt.

Công ty không phát sinh các hoạt động về tiền mặt là ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý

2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng

Sổ Nhật ký chung

Sổ quỹ tiền mặt

Sổ cái TK 111

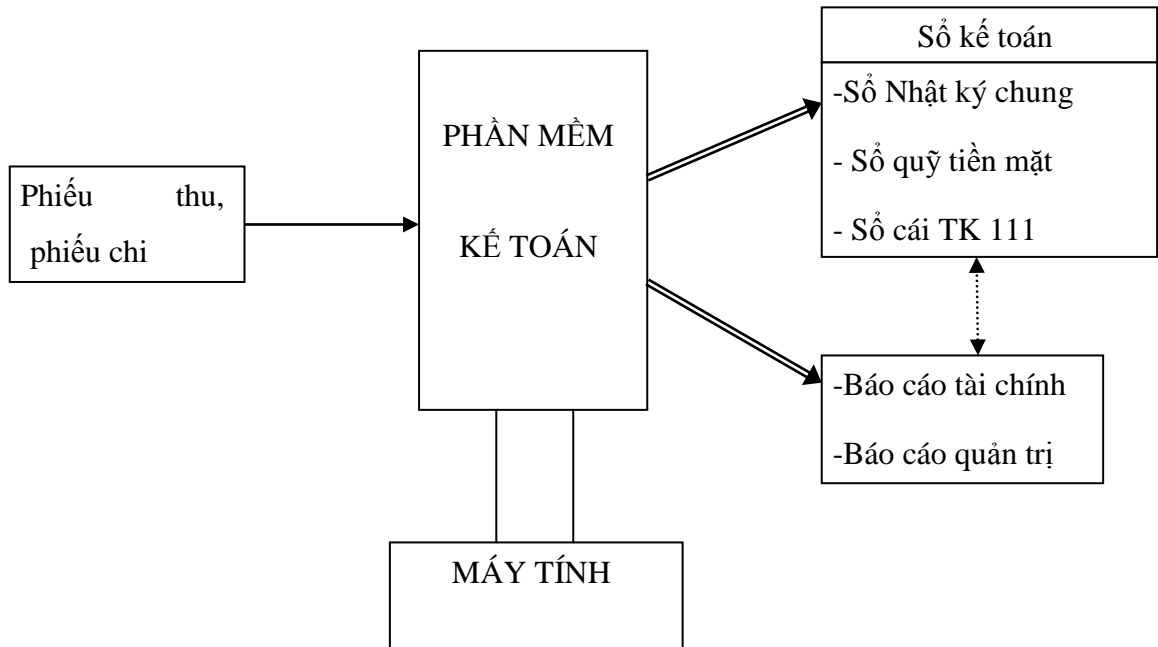
Bảng cân đối số phát sinh

Báo cáo tài chính

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Khi có nghiệp vụ thu, chi tiền mặt xảy ra, kế toán căn cứ vào hoá đơn mua hàng, bán hàng, hoá đơn GTGT để lập phiếu thu, phiếu chi. Sau khi ghi đầy đủ các nội dung, ký vào phiếu và chuyển cho kế toán trưởng duyệt (cho thủ trưởng đơn vị nếu là phiếu chi). Phiếu thu, phiếu chi sẽ được chuyển cho thủ quỹ để thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán đồng thời để ghi vào sổ quỹ. Sau đó, kế toán nhập số tiền thực tế phát sinh vào phần mềm máy tính, máy tính chạy theo chương trình được cài đặt sẵn, xử lý dữ liệu rồi tự động ghi sổ Nhật ký chung, Sổ quỹ tiền mặt, Sổ cái TK 111 và các sổ khác có liên quan.

Sơ đồ 15. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:



Ghi chú:

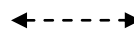
Nhập số liệu hàng ngày:



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:



Đối chiếu, kiểm tra:



Màn hình giao diện phân hệ kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay

The screenshot displays a banking software interface. On the left is a vertical menu with categories like 'Hệ thống', 'Kế toán tổng hợp', and 'Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay'. The main area contains icons for 'Giấy báo có (thu) của ngân hàng', 'Giấy báo nợ (chi) của ngân hàng', 'Phiếu thu tiền mặt', and 'Phiếu chi tiền mặt'. A search bar at the top right contains 'Số dư đầu kỳ'. Below the main area are three radio buttons: 'BC tiền mặt, TGNH', 'BC tiền vay', and 'In danh mục từ điển'. On the right, there are three links: 'Danh mục kế ước', 'Danh mục tài khoản lk của kế ước', and 'Danh mục tài khoản ngân hàng'. A window titled 'Chạy báo cáo (thủ) của ngân hàng' is open, showing a form with fields for 'Loại phiếu thu', 'Mã khách hàng', 'Ngày lập phiếu thu', 'Số tiền', 'Ngày lập phiếu', 'Số phiếu thu', 'Lý do lập', 'TGD (VND)', 'Hạng', and 'Số dư đầu kỳ'. Below the form is a table with columns 'Số', 'Th. có', 'T. chi', 'Số dư', 'Số dư đầu kỳ', 'Số dư cuối kỳ', and 'Số dư đầu kỳ'. The table is currently empty.

Trong tháng 03 năm 2012, tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng có rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt tại quỹ. Dưới đây em xin đưa ra một vài nghiệp vụ kinh tế cụ thể làm ví dụ như sau:

Ví dụ 01: Ngày 02/03/2012, công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng bán cho công ty TNHH Xây dựng Thanh Phong 12,5 tấn xi măng PCB40 theo hoá đơn đơn GTGT số 0000389 (Biểu số 2.1) ngày 02/03/2012 với đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 1,350,000 đồng/tấn. Công ty Thanh Phong đã thanh toán ngay toàn bộ tiền mua xi măng bằng tiền mặt.

Biểu số 2.1 Hoá đơn Giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số : 01GTKT3/001			
Liên 3: Lưu hành nội bộ		Ký hiệu: AA/12P			
Ngày 02 tháng 03 năm 2012		Số 0000389			
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng Địa chỉ: Tràng Kênh, Minh Đức, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng MST: 0200155219 Điện thoại: 031.3875359 Số tài khoản:..... Họ tên người mua hàng:</p> <p>Tên đơn vị: Công ty TNHH Xây dựng Thanh Phong Địa chỉ: Minh Tân - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng MST: 0225162550 Hình thức thanh toán:.....Số tài khoản:.....</p>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Xi măng bao PCB40	Tấn	12,5	1,350,000	16,875,000
Cộng tiền hàng					16,875,000
Tiền thuế GTGT (10%)					1,687,500
Tổng cộng tiền thanh toán					18,562,500
Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu năm trăm năm sáu hai nghìn năm trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.2. Phiếu xuất kho

Công ty: TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng

Địa chỉ: Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Bộ phận: Tổng kho

Mẫu số 02 – VT

(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 02 tháng 03 năm 2012

Số 325

Họ và tên người nhận hàng: Ông Trần Phú Vinh

Địa chỉ: Công ty TNHH Xây dựng Thanh Phong

Lý do xuất kho: Bán hàng cho khách lẻ

Xuất tại: Tổng kho công ty TNHH MTV Xi măng Hải Phòng

STT	Tên	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Xi măng bao PCB40		Tấn	12,5	12,5	1,239,420	15,492,750
Cộng							15,492,750

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười năm triệu bốn trăm chín hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng chẵn./

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 02 tháng 03 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Màn hình nhập Phiếu thu

Phiếu thu tiền mặt. Kỳ : 01/03/12-31/03/12

Loại phiếu thu	2	Thu chi tiết theo khách hàng	Ngày hạch toán	02/03/2012
Mã khách	11111	Khach le	Ngày lập phiếu thu	02/03/2012
Địa chỉ	Cong ty TNHH Xây dựng Thanh Phong		Quyển số	PT03
Ng. nộp tiền	Ông Tran Phu Vinh		Số phiếu thu	PT 38
Lý do nộp	Ban xi mang bao PCB40		TGGD	VND 1
Tk nợ	1111	Tiền mặt Việt Nam	Hạn tt	0

F4 - Thêm dòng, F5 - Tính TGGD, F8 - Xóa dòng, ^Tab - Ra khỏi chi tiết

Stt	Tk có	Tên tài khoản	Ps có VND	Diễn giải	Mã vụ việc
1	51111	Doanh thu bán hàng hóa: Nội địa	16 875 000	Ban xi mang bao PCB40	
2	33311	Thuế GTGT đầu ra phải nộp	1 687 500	Ban xi mang bao PCB40	

Sửa trường tiền Sửa tỷ giá ghi sổ

Số hđ: 18 562 500

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

Lưu Mới Sao chép In c.từ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

Phiếu thu tiền mặt. Kỳ : 01/03/12-31/03/12

Mẫu báo cáo: Phiếu thu (A4) Sửa mẫu

Tiêu đề: Phiếu thu

Diễn giải c.từ gốc: []

Số c.từ gốc kèm theo: 0

Số liên: 11

Mẫu VND Mẫu ngoại tệ
 Tiếng Việt Tiếng Anh
 Song ngữ

In In liên tục Xem Quay ra

Khoá luận tốt nghiệp

Phieu thu tien mat. Ky : 01/03/12-31/03/12

Ngày chứng từ	Số chứng từ	Tổng ps	Tỷ giá	Tổng ps VND	Mã khách	Tên khách hàng	Mã đvcs
02/03/2012	PT 38	18 562 500,00	1,000000000000	18 562 500	11111	Khach le	CTY
03/03/2012	PT 39	2 000 000 000,00	1,000000000000	2 000 000 000	11222	Ngan hang Techcombank	CTY

Stt	Tài khoản	Phát sinh có	Diễn giải	Mã vụ việc	Mã kế ước	Có V
1	51111	16 875 000,00	Ban xi mang bao PCB40			5 000
2	33311	1 687 500,00	Ban xi mang bao PCB40			7 500

Số chứng từ: 2 Tổng phát sinh 2 018 562 500,00 / 2 018 562 500 04/06/2013 Text

Biểu số 2.3. Phiếu thu tiền

CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG	Mẫu số 01 – TT			
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng	<i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC</i>			
MST: 0200155219	<i>ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>			
	S ố : PT 38			
	N ợ TK 1111			
	C ó TK 511			
	C ó TK 3331			
PHIẾU THU TIỀN				
Ngày 02 tháng 03 năm 2012				
Người nộp:	Ông Trần Phú Vinh			
Địa chỉ:	Công ty TNHH Xây dựng Thanh Phong			
Về khoản:	Trả tiền mua Xi măng bao PCB40			
Số tiền:	18,562,500			
Bằng chữ:	Mười tám triệu năm trăm sáu hai nghìn năm trăm đồng chẵn			
Kèm theo:	01 chứng từ gốc			
Ngày 02 tháng 03 năm 2012				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên,</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>
<i>đóng dấu)</i>				
Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ) : <i>Mười tám triệu năm trăm sáu hai nghìn năm trăm đồng chẵn./</i>				
Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):.....				
Số tiền quy đổi:.....				

Ví dụ 02: Ngày 09/03/2012, công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng mua 90 bộ quần áo bảo hộ cấp phát bổ sung ngay cho cán bộ công nhân viên phân xưởng nghiền đóng bao theo hoá đơn GTGT số 0000590 với đơn giá là 95,000 đồng/bộ. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Biểu số 2.4. Hoá đơn Giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số : 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Ký hiệu: AA/12P		
Ngày 09 tháng 03 năm 2012			Số 0000590		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH May mặc Xuân Anh					
Địa chỉ: Thị trấn Núi Đèo, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng					
MST: 0223522151					
Điện thoại: 031.3423567			Số tài khoản:.....		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng					
Địa chỉ: Tràng Kênh – Minh Đức - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng					
MST: 0200155219					
Hình thức thanh toán:.....Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	90	95,000	8,550,000
Cộng tiền hàng					8,550,000
Tiền thuế GTGT (10%)					855,000
Tổng cộng tiền thanh toán Số tiền bằng chữ: Chín triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng chẵn.					9,405,000
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Màn hình nhập Phiếu chi

Phiếu chi tiền mặt, Kỳ : 01/03/12-31/03/12

Loại phiếu chi: 2 Chi cho nhà cung cấp Ngày ht: 09/03/2012
 Mã khách: 11111 Khách le Ngày lập pc: 09/03/2012
 Địa chỉ: Công ty TNHH may mac Xuan Anh Quyền số: PC03
 Ng. nhận tiền: Công ty TNHH may mac Xuan Anh Số phiếu chi: PC 45
 Lý do chi: Mua bao ho lao dong TGGGS: VND 1
 Tk có: 6271 Chi phí nhân viên phân xưởng Hạn tt: 0

Hạch toán | Hết thuế | F4 - Thêm dòng, F5 - Tính TGGGS, F8 - Xóa dòng, ^Tab - Ra khỏi chi tiết

Stt	Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	Diễn giải	Mã vụ việc
1	1111	Tiền mặt Việt Nam	9 405 000	Mua bao ho lao dong	
2	1111	Tiền mặt Việt Nam	0		

Sửa trường tiền
 Sửa tỷ giá ghi sổ
 Sửa thông tin thuế
 Tiền hh, dv: 9 405 000

 Tiền thuế: _____
 Tổng tt: 9 405 000
 Trạng thái: Đã ghi sổ cái

Phiếu chi tiền mặt, Kỳ : 01/03/12-31/03/12

Ngày c.từ	Số c.từ	Tổng tt	Tỷ giá	Tổng tt VND	Mã khách	Tên khách hàng	Mã đvcs
05/03/2012	PC 44	160 000 000,00	1,00000000000000	160 000 000	11221	Ngan hang ACB	CTY
09/03/2012	PC 45	9 405 000,00	1,00000000000000	9 405 000	11111	Khach le	CTY

Stt	Tài khoản	Ps nợ	Diễn giải	Mã vụ việc	Mã kế ước	Ps nợ VND
1	1121	160 000 000,00	Xuat quy tien mat gui vao tai khoan ngan hang			60 000 000

Số chứng từ: 2 Tổng thanh toán 169 405 000,00 / 169 405 000 31/05/2013 Text

Biểu số 2.5. Phiếu chi tiền

CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

Mẫu số 02 – TT

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

MST: 0200155219

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI TIỀN

Số: PC 45

Ngày 09 tháng 03 năm 2012

Nợ TK 627

Nợ TK 133

Có TK 111

Người nộp: Nguyễn Thanh Mai

Địa chỉ: Phòng Vật Tư

Về khoản: Thanh toán tiền mua bảo hộ lao động

Số tiền: 9,405,000

Bằng chữ: Chín triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 09 tháng 03 năm 2012

Giám đốc Kế toán trưởng Thủ quỹ Người lập phiếu Người nhận tiền

(Ký, họ tên,

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

đóng dấu)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ) : Chín triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng chẵn

Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):.....

Số tiền quy đổi:.....

Màn hình giao diện Sổ quỹ

Hệ thống

Kế toán tổng hợp

Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay

Bán hàng và công nợ phải thu

Mua hàng và công nợ phải trả

Hàng tồn kho

BC CP theo tiểu khoản, khoản mục

BC vụ việc, giá thành công trình

Giá thành sx liên tục

Giá thành sx theo đơn hàng

Tài sản cố định

Công cụ dụng cụ

Báo cáo thuế

BCQT theo các trường tự do

BCQT theo thời gian

BCQT theo ĐVCS

Thuế thu nhập cá nhân

Giấy báo có (thu) của ngân hàng

Giấy báo nợ (chi) của ngân hàng

Phiếu thu tiền mặt

Phiếu chi tiền mặt

BC tiền mặt, TGNH BC tiền vay In danh mục từ điển

Sổ quỹ

Sổ quỹ (in từng ngày)

Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt

Sổ tiền gửi ngân hàng

Sổ chi tiết của một tài khoản

Sổ tổng hợp chữ T của một tài khoản

Sổ chi tiết công nợ của một khách hàng

Bảng cân đối số ps theo ngày của 1 tk

B.cáo số dư tại quỹ và tại các ngân hàng

B.cáo lưu chuyển tiền tệ (pp trực tiếp)

B.cáo lưu chuyển tiền tệ (pp gián tiếp)

Sổ nhật ký thu tiền

Sổ nhật ký chi tiền

Bảng kê chứng từ

B.kê c.từ theo kh, vv, tiểu khoản và tk đ. ứng

T.hợp ps theo kh, vv, tiểu khoản và tk đ. ứng

Bảng kê số dư tài khoản tức thời

Tính và cập nhật lại tỷ giá ghi sổ

Số dư đầu kỳ

Danh mục kế ước

Danh mục tài khoản lk của kế ước

Danh mục tài khoản ngân hàng

Danh mục tài khoản kiểm tra chi âm

Sổ quỹ

Tài khoản: Tiền mặt Việt Nam

Từ ngày:

Đến ngày:

Ngày mở sổ:

Mã đơn vị: Công ty

Mẫu báo cáo: VND Ngoại tệ

F5 - Tra cứu

Ngay_ct	Ngay_lct	ta_ct	So_ct	Ong_ba	Ma_kh	Ten_kh	Diem_giai
//	//						Số dư đầu kỳ
//	//						Tổng phát sinh trong kỳ
//	//						Số dư cuối kỳ
02/03/2012	02/03/2012	PT	PT 38	Ông Trần Phú Vinh	11111	Khách lẻ	Ban xi mang bao PCB40
03/03/2012	03/03/2012	PT	PT 39	Ông Phạm Minh Queng	11222	Ngan hang Techcombank	Rút tiền gửi ngân hàng ve n
03/03/2012	03/03/2012	UNC	BN24	Le Tran Thuy Mai	11221	Ngan hang ACB	Thanh toán tiền mua may n
05/03/2012	05/03/2012	PC	PC 44	Ông Trần Minh Đức	11221	Ngan hang ACB	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào t
09/03/2012	09/03/2012	PC	PC 45	Cong ty TNHH may mặc Xuân Anh	11111	Khách lẻ	Mua bao hồ lao động

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.6. Sổ quỹ tiền mặt

CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng
MST: 0200155219

Mẫu số 07 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

(Từ ngày 01/03/2012 đến ngày 31/03/2012)

Tài khoản 1111 - Tiền mặt VNĐ

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
A	B	C	D	E	1	2	3
				Dư đầu kỳ			<u>200,169,389</u>
2/3/2012	2/3/2012	PT38		Thu tiền bán xi măng bao PCB40 của khách lẻ	18,562,500	
.....
5/3/2012	5/3/2012		PC44	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng		160,000,000
...
9/3/2012	9/3/2012		PC45	Thanh toán tiền mua bảo hộ lao động		9,405,000
...
				Cộng số phát sinh	5,490,823,156	4,020,259,580	
				Dư cuối kỳ			<u>1,670,732,965</u>

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Kế toán

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7. Sổ nhật ký chung

CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng
MST: 0200155219

Mẫu số 03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT đồng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
02/03	PT38	02/03	Thu tiền bán xi măng bao PCB40 của công ty TNHH Xây dựng Thanh Phong			1111	18,562,500	
						511		16,875,000
						3331		1,687,500
.....
05/03	PC44	05/03	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng			1121	160,000,000	
						1111		160,000,000
.....
09/03	PC45	09/03	Thanh toán tiền mua bảo hộ lao động			627	8,550,000	
						133	855,000	
						1111		9,405,000
.....
			Cộng lũy kế

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8. Sổ cái TK111

CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng
MST: 0200155219

Mẫu số 03b – DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –
 BTC*
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 03 năm 2012

Tài khoản 111 - Tiền mặt

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu tháng 03/2013		<u>225,382,389</u>	
			Phát sinh trong tháng :			
2/3/2012	PT38	2/3/2012	Thu tiền bán xi măng bao PCB40 của công ty TNHH Xây dựng Thanh Phong	511 3331	16,875,000 1,687,500	
5/3/2012	PC44	5/3/2012	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng	1121		160,000,000
...
9/3/2012	PC45	9/3/2012	Thanh toán tiền mua bảo hộ lao động	627 133		8,550,000 855,000
...
			Cộng số phát sinh		5,490,823,156	4,020,259,580
			Dư cuối tháng		<u>1,696,732,965</u>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng.

Cùng với hoạt động tiền mặt, hoạt động tiền gửi ngân hàng cũng đóng một vai trò quan trọng diễn ra thường xuyên tại công ty, thể hiện tính đa dạng hoá về hình thức thanh toán, thuận lợi cho việc luân chuyển tiền tệ.

Theo quy định, tất cả các khoản tiền nhàn rỗi của công ty đều phải gửi ngân hàng, Kho bạc Nhà nước hay các công ty tài chính. Khi cần chi tiêu, doanh nghiệp làm thủ tục rút tiền hay chuyển tiền. Việc hạch toán tiền gửi ngân hàng phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi ngân hàng. Tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng, kế toán tiền gửi ngân hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành các chế độ quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Các nghiệp vụ tiền gửi ngân hàng của công ty đều căn cứ vào các chứng từ như uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo nợ, giấy báo có, sổ hạch toán chi tiết của ngân hàng... Khi nhận được giấy báo của ngân hàng, kế toán tiền gửi ngân hàng phải kiểm tra, đối chiếu các chứng từ gốc kèm thư, nếu có sự chênh lệch giữa chứng từ của ngân hàng với số liệu kế toán của công ty thì kế toán phải báo lại cho ngân hàng để cùng kiểm tra, đối chiếu, xử lý.

Hiện nay công ty đang thực hiện giao dịch với các ngân hàng như:

Ngân hàng công thương Hồng Bàng - Hải Phòng

Ngân hàng ngoại thương Hải Phòng

Ngân hàng cổ phần thương mại Á Châu Hải Phòng

Ngân hàng phát triển Hải Phòng

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

.....

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

Các giấy báo có, giấy báo nợ, bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Uỷ nhiệm chi, Uỷ nhiệm thu, Séc chuyển khoản, Séc bảo chi,...)

1.2.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Để hạch toán tiền gửi ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 - Tiền gửi ngân hàng (Chi tiết TK 1121 - Tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam). Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tiền gửi của công ty. Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng không phát sinh tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ hay vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

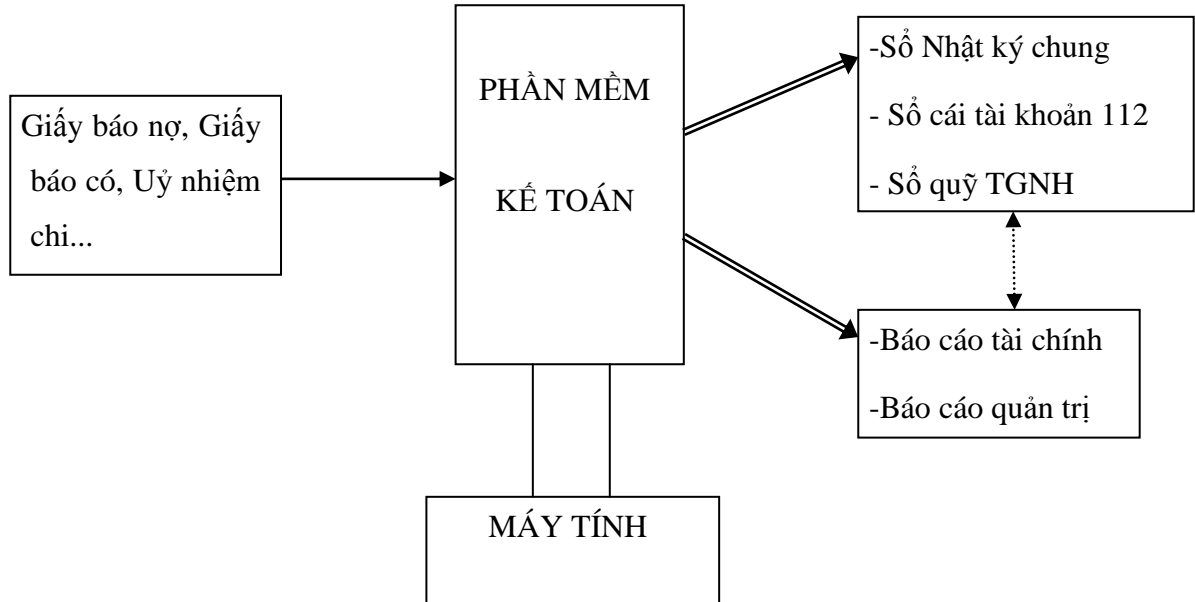
1.2.2.3. Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ tiền gửi ngân hàng
- Sổ cái TK 112
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính
- Các sổ khác có liên quan.....

1.2.2.4. Quy trình hạch toán

Khi phát sinh một nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng, dựa vào các chứng từ gốc (giấy báo nợ, báo cơ, UNC,) được gửi đến, kế toán TGNH tiến hành định khoản và ghi vào sổ tiền gửi ngân hàng, kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của DN, số liệu trên các chứng từ gốc với số liệu trên các chứng từ gốc của ngân hàng thì DN phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Đến cuối tháng, nếu chưa xác định được nguyên nhân thì phân chênh lệch được ghi vào bên NỢ của tài khoản 1381 “ Tài sản thiếu chờ xử lý” hoặc bên CÓ tài khoản 3381 “Tài sản thừa chờ xử lý”. Sang tháng sau tiếp tục đối chiếu để tìm ra nguyên nhân kịp thời xử lý và điều chỉnh số liệu ghi sổ.

Sơ đồ 16. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Trong tháng 03 năm 2012, tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng có rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngân hàng. Dưới đây em xin đưa ra một số nghiệp vụ kinh tế cụ thể để làm ví dụ minh họa như sau:

Ví dụ 04: Ngày 05/03/2012 công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng Á Châu Hải Phòng, số tiền 160,000,000 đồng. Công ty đã nhận được giấy báo có

Khi nhận được lệnh xuất quỹ tiền mặt để gửi vào ngân hàng, kế toán công ty tiến hành viết Phiếu chi số 44 (Biểu số 2.9). Phiếu chi được lập thành 2 liên ghi đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký của người nhận tiền, người lập biểu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng và Tổng giám đốc (hoặc Phó giám đốc) duyệt. Một liên lưu tại nơi lập, một liên chuyển cho thủ quỹ để chi tiền cho người nhận tiền. Khi xuất quỹ, thủ quỹ đóng dấu là đã chi và ký tên vào phiếu chi, thủ quỹ giữ để nhập số liệu vào sổ quỹ, cuối ngày chuyển cho kế toán để nhập số liệu vào phần mềm máy tính.

Sau khi nhận tiền, người nộp tiền đại diện cho công ty sẽ đem tiền đến ngân hàng Á Châu để nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của công ty. Tại ngân hàng người nộp tiền sẽ nhận được Giấy nộp tiền (Biểu số 2.10) để ghi nhận số tiền của công ty đã nộp vào tài khoản, đồng thời ngân hàng cũng gửi Giấy báo có (Biểu số 2.11) của ngân hàng đến công ty. Kế toán của công ty căn cứ vào Giấy báo có để nhập dữ liệu vào sổ sách liên quan trên hệ thống phần mềm.

Màn hình nhập Phiếu chi

Phiếu chi tiền mặt. Kỳ : 01/03/12-31/03/12

Loại phiếu chi	2	Chi cho nhà cung cấp	Ngày ht	05/03/2012
Mã khách	11221	Ngan hang ACB	Ngày lập pc	05/03/2012
Địa chỉ	Chi nhánh Hai Phong		Quyển số	PC03
Ng. nhận tiền	Ông Tran Minh Duc		Số phiếu chi	PC 44
Lý do chi	Xuất quy tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng		TGGS	VND 1
Tk có	1111	Tiền mặt Việt Nam	Hạn tt	0

Hạch toán | Hết thuế | F4 - Thêm dòng, F5 - Tính TGGS, F8 - Xóa dòng, ^Tab - Ra khỏi chi tiết

Stt	Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	Diễn giải	Mã vụ việc
1	1121	Tiền VND gửi ngân hàng	160 000 000	Xuất quy tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng	

Sửa trường tiền
 Sửa tỷ giá ghi sổ
 Sửa thông tin thuế
 Tiền hh, dv 160 000 000

 Tiền thuế _____
 Trạng thái Đã ghi sổ cái
 Tổng tt 160 000 000

Phiếu chi tiền mặt. Kỳ : 01/03/12-31/03/12

Ngày c.từ	Số c.từ	Tổng tt	Tỷ giá	Tổng tt VND	Mã khách	Tên khách hàng	Mã đvcs
05/03/2012	PC 44	160 000 000,00	1,00000000000000	160 000 000	11221	Ngan hang ACB	CTY
09/03/2012	PC 45	9 405 000,00	1,00000000000000	9 405 000	11111	Khach le	CTY

Stt	Tài khoản	Ps nợ	Diễn giải	Mã vụ việc	Mã kế ước	Ps nợ VND
1	1121	160 000 000,00	Xuất quy tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng			60 000 000

Số chứng từ: 2 Tổng thanh toán 169 405 000,00 / 169 405 000 31/05/2013 Text

Biểu số 2.9. Phiếu chi tiền

CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

Mẫu số 02 – TT

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

MST: 0200155219

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI TIỀN

Số: 44

Ngày 05 tháng 03 năm 2012

Nợ TK 112

Có TK 111

Người nộp: Bùi Thuý Hường

Địa chỉ: Phòng kế toán tổng hợp

Về khoản: Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng Á Châu

Số tiền: 160,000,000

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn/.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 03 năm 2012

Giám đốc Kế toán trưởng Thủ quỹ Người lập phiếu Người nhận tiền

(Ký, họ tên, (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

đóng dấu)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ) : Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn/.

Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):.....

Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.10. Giấy nộp tiền vào ngân hàng

Ngân hàng Á Châu – Chi nhánh Hải Phòng

Asia Commercial Bank

GIẤY NỘP TIỀN

Ngày 05 tháng 03 năm 2012

Mã số thuế: 0200155219 Người nộp tiền: Bùi Thuý Hường Địa chỉ: Tràng Kênh – Minh Đức - Thuỷ Nguyên – HP Người nhận: Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng Tài khoản: 0021001966233		NỢ:..... CÓ:.....
NỘI DUNG NỘP (ghi chi tiết từng khoản) Nộp tiền vào tài khoản:..... <div style="text-align: right;"> Phí ngân hàng: Thuế GTGT 10% Cộng: </div> Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn/.		Số tiền: 160,000,000
Người nộp tiền (Ký)	Thủ quỹ	Kiểm soát

Biểu số 2.11. Giấy báo có

NGÂN HÀNG CPTM Á CHÂU

Asia Commercial Bank

Mã GDV:

Mã KH:

Số

GIẤY BÁO CÓ

000000029

Ngày 05 tháng 03 năm 2012

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: **TK 0021001966233**

Số tiền bằng số: **160,000,000**

Số tiền bằng chữ: **Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn.**

Nội dung: Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng nộp tiền vào tài khoản.

Giao dịch viên

(Ký, họ tên)

Kiểm soát viên

(Ký, họ tên)

Ví dụ 05: Ngày 10 tháng 03 năm 2012, công ty Xi măng Hải Phòng phát sinh một giao dịch qua ngân hàng Á Châu khi công ty thanh toán tiền mua 01 máy nghiền xi măng 531 cho Công ty CPTM và cung cấp dịch vụ Tapro theo hoá đơn GTGT số 0000288 để phục vụ cho phân xưởng nghiền đóng bao, giá thanh toán chưa bao gồm thuế suất thuế GTGT là 10% l à 2,000,000,000 đồng. Công ty đã nhận được giấy báo nợ.

Kế toán căn cứ vào HĐ GTGT 0000288 gửi Ủy nhiệm chi (số 24) đến ngân hàng CPTM Á Châu. Khi nhận được Ủy nhiệm chi, ngân hàng CPTM Á Châu sẽ tiến hành thanh toán, đồng thời gửi Giấy báo nợ về công ty.

Biểu số 2.12. Hoá đơn Giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Ký hiệu: TR/12P		
Ngày 10/03/2012			Số: 0000288		
Đơn vị bán hàng: Công ty CPTM và cung cấp dịch vụ Tarpo					
Địa chỉ: Số nhà 17, khu 5, tổ 28D, Minh Khai, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội					
MST: 0102620147					
Điện thoại: 04.36288674			Số tài khoản:.....		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Xi măng Vicem Hải Phòng					
Địa chỉ: Tràng Kênh – Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng					
MST: 0200155219					
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:.....		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Máy nghiền xi măng 531	Chiếc	01	2,000,000,000	2,000,000,000
Cộng tiền hàng					2,000,000,000
Tiền thuế GTGT(10%)					200,000,000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2,200,000,000
Số tiền bằng chữ: Hai tỷ hai trăm triệu đồng chẵn./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.13. Ủy nhiệm chi

ỦY NHIỆM CHI/ PAYMENT ORDER		Số/No: 24
Ngày/Date: 10/03/2012		
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ APPLICANT		
Tên tài khoản/ Acct's Name: Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng		
Tại ngân hàng: CPTM Á Châu - Hải Phòng		
Số tài khoản/ Acct No: 0021001966233 Tại ngân hàng Á Châu_Chi nhánh/ At ACB_Branch: Ngân hàng Vietcombank		
ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY		
Đơn vị thụ hưởng/Beneficiary: Công ty cổ phần thương mại và cung cấp dịch vụ Tarpo		
Số tài khoản/ Acct No: 0963-004 AX-006		
CMTND/ Hộ chiếu/ ID Card/PP No:.....Ngày cấp/ Date:.....Nơi cấp/Place:.....		
Tại ngân hàng/ Beneficiary's Bank: TECHCOMBANK		Tỉnh/Thành phố/Province/City: Hà Nội
Số tiền bằng chữ/Amount in words: Hai tỷ hai trăm triệu đồng chẵn		Bằng số/In Figures: 2,200,000,000 VND
Nội dung/ Details: Thanh toán tiền mua máy nghiền xi măng 531 theo HĐ s ố 0000288		
Đơn vị trả tiền/Applicant Kế toán trưởng Chủ tài khoản	Ngân hàn Á Ch âu/ACB Ghi số ngày/Post Date: Giao dịch viên Kiểm soát viên	Ngân hàng B/B Bank Ghi số ngày/Post Date: Giao dịch viên Trưởng đơn vị

Biểu số 2.14. Giấy báo nợ

NGÂN HÀNG CPTM Á CHÂU	Mã GDV:
	Mã KH:
	Số
GIẤY BÁO NỢ	000000024
Ngày 10 tháng 03 năm 2012	
Kính gửi: Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi Nợ:	TK 0021001966233
Số tiền bằng số:	2,200,000,000
Số tiền bằng chữ:	Hai tỷ hai trăm triệu đồng chẵn.
Nội dung:	Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng thanh toán tiền mua máy nghiền xi măng trực đứng 531 theo HĐ số 0000288
Giao dịch viên	Kiểm soát viên
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Căn cứ vào các Giấy báo nợ, Giấy báo có, kế toán công ty tập hợp và nhập số liệu thực tế phần mềm máy tính. Phần mềm kế toán Fast Accounting sẽ xử lý dữ liệu rồi tự động ghi Sổ tiền gửi ngân hàng (Biểu số 2.15), Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.16), Sổ cái tài khoản 112 (Biểu số 2.17) và các sổ khác có liên quan.

Khoá luận tốt nghiệp

- Hệ thống
- Kế toán tổng hợp
- Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
- Bán hàng và công nợ phải thu
- Mua hàng và công nợ phải trả
- Hàng tồn kho
- BC CP theo tiểu khoản, khoản mục
- BC vụ việc, giá thành công trình
- Giá thành sx liên tục
- Giá thành sx theo đơn hàng
- Tài sản cố định
- Công cụ dụng cụ
- Báo cáo thuế
- BCQT theo các trường tự do
- BCQT theo thời gian
- BCQT theo ĐVCS
- Thuế thu nhập cá nhân

Giấy báo có (thu) của ngân hàng

Giấy báo nợ (chi) của ngân hàng

Phiếu thu tiền mặt

Phiếu chi tiền mặt

Tính và cập nhật lại tỷ giá ghi sổ

..... Số dư đầu kỳ

Danh mục kế ước

Danh mục tài khoản lk của kế ước

Danh mục tài khoản ngân hàng

Danh mục tài khoản kiểm tra chi ám

BC tiền mặt, TGNH
BC tiền vay
In danh mục từ điển

- Sổ quỹ
- Sổ quỹ (in từng ngày)
- Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
- Sổ tiền gửi ngân hàng**
- Sổ chi tiết của một tài khoản
- Sổ tổng hợp chữ T của một tài khoản
- Sổ chi tiết công nợ của một khách hàng
- Bảng cân đối số ps theo ngày của 1 tk
- Bảng cân đối ps các tiểu khoản của 1 tk
- B.cáo số dư tại quỹ và tại các ngân hàng
- B.cáo lưu chuyển tiền tệ (pp trực tiếp)
- B.cáo lưu chuyển tiền tệ (pp gián tiếp)
- Sổ nhật ký thu tiền
- Sổ nhật ký chi tiền
- Bảng kê chứng từ
- B.kê c.từ theo kh, vv, tiểu khoản và tk đ.ứng
- T.hợp ps theo kh, vv, tiểu khoản và tk đ.ứng
- Bảng kê số dư tài khoản tức thời

Sổ tiền gửi ngân hàng

Tài khoản	<input type="text" value="112"/>	
Từ ngày	<input type="text" value="31/03/2012"/>	
Đến ngày	<input type="text" value="31/03/2012"/>	
Ngày mở sổ	<input type="text" value="01/03/2012"/>	
Mã đơn vị	<input type="text" value="CTY"/>	Công ty
Mẫu báo cáo	<input checked="" type="checkbox"/> VND	<input type="checkbox"/> Ngoại tệ

F5 - Tra cứu

Biểu số 2.15. Sổ tiền gửi ngân hàng

Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S08 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tài khoản: 112 – Ngân hàng Á Châu – Chi nhánh Hải Phòng

Tháng 03 - Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/U	Số tiền		
Số	Ngày			Gửi vào	Rút ra	Còn lại
		<u>Dư đầu kỳ</u>				<u>10,870,620.970</u>
GBC000 000029	05/03	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng	1111	160,000,000	
...
GBN00 0000024	10/03	Trả tiền mua máy nghiền xi măng 521	211 1331		2,000,000,000 200,000,000
....
		Tổng cộng		1,000,000,000	8,460,535,868	<u>3,410,085,102</u>

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám Đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.16. Sổ nhật ký chung

CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
 Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng
 MST: 0200155219

Mẫu số 03a – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
02/03	PT38	02/03	Thu tiền bán xi măng bao PCB40 của khách lẻ			1111	18,562,500	
						511		16,875,000
						3331		1,687.500
...
05/03	GBC 000000029	05/03	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng			1121	160,000,000	
						1111		160,000,000
...
10/03	GBN 000000024	10/03	Trả tiền mua TSCĐ			211	2,000,000,000	
						133	200,000,000	
						1121		2,200,000,000
.....
			Cộng lũy kế

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.17. Sổ cái TK112

CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng
MST: 0200155219

Mẫu số 03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 03 năm 2012

Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu tháng 03/2013		<u>24,200,169,389</u>	
			Phát sinh trong tháng :			
05/03	GBC 000000029	05/03	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng	1111	160,000,000	
...
10/03	GBN 000000024	10/03	Trả tiền mua TSCĐ	211		2,000,000,000
				133		200,000,000
...
			Cộng số phát sinh		412,820,000,000	384,350,000,000
			Dư cuối tháng		<u>52,670,169,380</u>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CHƯƠNG III. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN
CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV
XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng

Trong những năm gần đây, nền kinh tế ngày càng trở nên cạnh tranh và biến động khó lường và cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng. Mặc dù vậy, nhưng công ty vẫn từng bước vượt qua và khẳng định thương hiệu của mình trong ngành sản xuất xi măng toàn quốc với rất nhiều các thành tựu đã và đang đạt được.

3.1.1. Những ưu điểm

* *Về tổ chức kế toán:*

Trong điều kiện cơ chế quản lý mới cũng như điều kiện quản lý kinh doanh thực tế của mình, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh và khoa học theo mô hình kế toán tập trung. Đây là mô hình mà việc hạch toán được tập trung tại phòng kế toán trung tâm của công ty. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính trong việc đưa ra quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời của Ban giám đốc, mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động chuyên môn theo từng phần hành, nâng cao trình độ quản lý, nhiệm vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán công ty.

Các phần hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học cho từng kế toán viên, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Từ đó tạo thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót, giúp Ban giám đốc đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xác định được kết quả kinh doanh phù hợp với yêu cầu thị trường.

Đội ngũ cán bộ và nhân viên kế toán trong công ty có trình độ nghiệp vụ vững vàng, tinh thần làm việc tốt và ý thức cao trong công việc.

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung cùng với phần mềm kế toán máy Fast Accounting. Điều này đã giúp cho việc hạch toán kế toán được đơn giản, dễ dàng và cho ra kết quả mang tính chính xác rất cao. Từ đó giảm áp lực về công việc, đồng thời nâng cao năng suất làm việc cho đội ngũ nhân viên kế toán của công ty.

* Về công tác kế toán vốn bằng tiền:

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được bảo đảm tính an toàn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kế toán luôn mang tính liên tục và chính xác

Hệ thống tài khoản được áp dụng để theo dõi sự biến động của Vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo Quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền.

Thủ quỹ là người có tư chất tốt, có năng lực chuyên môn, thận trọng trong nghề nghiệp và không trực tiếp là nhân viên kế toán. Do vậy tránh được tình trạng tham ô công quỹ và sai sót khi hạch toán. Việc nhập, xuất quỹ tiền mặt đều dựa trên những chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ được kế toán trưởng soát xét và giám đốc công ty phê duyệt, có đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, người nhận tiền..... Sau đó chuyển cho thủ quỹ để làm thủ tục xuất quỹ, nhập quỹ. Vì vậy hạn chế tối đa được tình trạng chi tiêu lãng phí, đảm bảo các khoản chi tiêu đều hợp lý, hợp lệ, có mục đích rõ ràng.

Đối với tiền gửi ngân hàng, kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ tốt với ngân hàng, công ty cũng mở sổ chi tiết tình hình biến động về tiền gửi ngân hàng giúp cho việc kiểm tra, đối chiếu và quản lý dễ dàng, chặt chẽ hơn.

Lãnh đạo công ty cùng với kế toán trưởng luôn luôn giám đốc chặt chẽ tiến hành thu, chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi để đáp ứng được nhu cầu thanh toán, đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty được diễn ra liên tục đem lại hiệu quả cao cho công ty.

Như vậy việc tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền đã đáp ứng được nhu cầu của công ty đề ra là: Đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kế toán. Đảm bảo các số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng. Trong quá trình hạch toán đã hạn chế được những trung lập ghi chép mà vẫn đảm bảo tính thống nhất của nguồn số liệu ban đầu. Do đó việc tổ chức công tác kế toán của công ty nói chung, công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng là phù hợp với một doanh nghiệp có phạm vi hoạt động vừa phải.

3.1.2. Những hạn chế

Mặc dù công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng đã đáp ứng được những nhu cầu quản lý về hai khía cạnh: Tuân thủ chuẩn mực kế toán chung và phù hợp với tình hình quản lý thực tế tại công ty. Nhưng vẫn còn một số tồn tại trong công tác kế toán nói chung và trong công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng:

- Hiện nay công ty có rất nhiều bạn hàng lớn cùng với đó có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh về tiền mặt cũng như tiền gửi ngân hàng. Việc tập trung ghi toàn bộ vào Nhật ký chung mà chưa có sổ Nhật ký đặc biệt như Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền thì chưa thực sự là phương án tối ưu vì điều này sẽ khiến cho sổ Nhật ký chung dày đặc, không tiện cho việc theo dõi thu, chi trong kỳ kế toán.

- Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc thu hồi vốn của công ty.

- Một hạn chế nữa là công ty chưa sử dụng tài khoản 113 - Tiền đang chuyển. Do mạng lưới tiêu thụ của công ty đang được đẩy ra rộng khắp cả nước nên việc thanh toán đôi khi gặp nhiều khó khăn về địa lý. Đôi khi những thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty vẫn chưa nhận được lệnh chuyển có, sổ chi tiết của ngân hàng.... Điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính nếu như rơi vào cuối kỳ kế toán quý hoặc cuối kỳ kế toán năm.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt, doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định được phương hướng, mục tiêu rõ ràng để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy, trước hết công ty phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như nhà quản lý, cơ quan thuế, ngân hàng,... để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy, điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong các báo cáo kế toán tài chính phải rõ ràng và có độ tin cậy cao.

Vốn bằng tiền tại công ty nói riêng và tại các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ trọng lớn trong vốn kinh doanh. Để thực hiện tốt hơn việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những điểm yếu còn tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Hải Phòng

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thông tin và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần phải thấy được những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác

tới việc tổ chức công tác kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đề ra.

Căn cứ vào vai trò, chức năng và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền đồng thời đảm bảo tính khoa học hơn trong công tác kế toán thì hoàn thiện vốn bằng tiền phải đảm bảo được những yêu cầu sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định cũng như các chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhưng cũng không phải dập khuôn máy móc theo đúng chế độ mà phải vận dụng sáng tạo.
- Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tổ chức sản xuất của doanh nghiệp mình sao cho đạt hiệu quả cao nhất.
- Hoàn thiện phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng yêu cầu của nhà quản lý.
- Hoàn thiện phải hướng đến vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào quá trình hạch toán sao cho đơn giản, dễ hiểu mà lại phản ánh chính xác, đầy đủ tình hình tài chính của công ty.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng.

Sau một thời gian thực tập, được tìm hiểu về công tác kế toán và đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng, em thấy bộ máy kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán vốn

bằng tiền của công ty là tương đối hoàn chỉnh và khoa học. Và để cho công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty được hoàn thiện hơn, em xin đưa ra thêm một số ý kiến đóng góp của cá nhân mình:

* **Ý kiến thứ nhất:** *Hạn chế việc thanh toán bằng tiền mặt, đẩy mạnh hình thức thanh toán qua ngân hàng*

Với xu hướng hiện nay, Nhà Nước đang khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh việc thanh toán qua ngân hàng, điều đó không những giúp được Nhà Nước kiểm soát được dòng tiền của các doanh nghiệp mà còn giúp

cho việc thanh toán của công ty trở nên nhanh chóng, thuận tiện. Vì vậy công ty nên có những chính sách hợp lý trong việc thanh toán các khoản tiền. Công ty nên đồng bộ trả lương, trả thưởng, thanh toán các khoản tiền hàng qua ngân hàng, hạn chế tối đa việc thanh toán bằng tiền mặt. Như vậy sẽ rất tiết kiệm được thời gian, chi phí, an toàn đối với quỹ tiền mặt và hạn chế được tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán.

* **Ý kiến thứ hai:** *Hoàn thiện sổ sách kế toán*

Công ty nên mở thêm các sổ Nhật ký đặc biệt, cụ thể là Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền (mở riêng cho việc thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng). Điều này sẽ giúp việc quản lý tiền được chặt chẽ, chính xác, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu lượng tiền thu, chi trong kỳ ở bất kỳ thời điểm nào.

Theo nguyên, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký chung, nhưng những nghiệp vụ đã được ghi vào sổ Nhật ký đặc biệt thì không phải ghi vào sổ Nhật ký chung nữa mà đến cuối tháng sẽ tập hợp một lần từ Nhật ký đặc biệt vào Sổ cái. Các mẫu sổ này được mở theo mẫu S03a1 – DN – “ Nhật ký thu tiền” và S03a2 – DN – “ Nhật ký chi tiền” (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

Sau đây là mẫu các sổ Nhật ký đặc biệt:

Khoá luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng
Địa chỉ: Minh Đức - Thuý Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03a1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 111	Ghi Có các TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			511	3331	112	...	Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
Số trang trước chuyển sang		
...
02/03	PT38	02/03	Thu tiền bán xi măng bao PCB40	18,562,000	16,875,000	1,687,500				
03/03	PT39	03/03	Rút TGNH Techcombank về nhập quỹ tiền mặt	2,000,000,000			2,000,000,000			
...
Cộng chuyển trang sau		

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 3.1. Sổ nhật ký thu tiền

Khoá luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng

Địa chỉ: Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03a2 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111	Ghi Nợ các TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			112	627	133	...	Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang
...
05/03	PC44	05/03	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng ACB	160,000,000	160,000,000					
09/03	PC45	09/03	Thanh toán tiền mua bảo hộ lao động	9,405,000		8,550,000	855,000			
...
			Cộng chuyển trang sau

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 3.2. Nhật ký chi tiền

Với số liệu từ 2 sổ Nhật ký đặc biệt trên, phần mềm máy tính sẽ tự động cập nhật vào Sổ Cái TK111

* **Ý kiến thứ 3:** Công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Hiện tại công ty chưa trích khoản dự phòng phải thu khó đòi. Để quán triệt nguyên tắc “Thận trọng” trong kế toán, công ty nên tiến hành lập dự phòng phải thu khó đòi, điều này cho phép công ty trích lập dự phòng bằng cách dành một phần lợi nhuận trong năm để chuyển sang năm sau nhằm trang trải nợ phải thu khó đòi có thể phát sinh trong năm sau. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi được lập theo quy định về lập dự phòng phải thu khó đòi – Thông tư 13/2006/TT – BTC ngày 27/03/2006 như sau:

Điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:

- Phải có các bằng chứng đáng tin cậy về các khoản nợ phải thu khó đòi (như khách hàng bị phá sản hoặc bị tổn thất, thiệt hại lớn về tài sản.....nên không hoặc khó có khả năng thanh toán, đơn vị đã làm thủ tục đòi nợ nhiều lần mà không thu được nợ)

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của đối tượng về số tiền còn nợ chưa bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ...

- Dự phòng phải thu khó đòi được lập chi tiết theo từng đối tượng, từng nội dung, từng khoản nợ, từng loại nợ (nợ phải thu ngắn hạn và nợ phải thu dài hạn). Đối với các khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, doanh nghiệp đã cố gắng sử dụng mọi biện pháp để thu hồi nợ nhưng vẫn không thu hồi được và cá nhân, đơn vị nợ thực sự không có khả năng trả nợ thì doanh nghiệp có thể xoá những khoản nợ này trên sổ kế toán và chuyển ra theo dõi chi tiết trên tài khoản 004 – “Nợ khó đòi đã xử lý” bằng cách ghi nợ TK 004. Nếu sau khi đã xoá nợ, các khách hàng có khả năng thanh toán trở lại và trả nợ cho công ty thì số tiền nợ mà công ty thu được sẽ ghi nhận là thu nhập khác trong kỳ, đồng thời ghi nhận vào bên Có TK004 – “Nợ khó đòi đã xử lý”

- Trường hợp các khoản không đủ căn cứ để xác định là nợ phải thu khó đòi theo quy định của thông tư 13 ngày 27/02/2006 thì phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên thì coi như là khoản nợ không có khả năng thu hồi và phải được xử lý.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên.

Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hoạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Xử lý khoản dự phòng:

Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm 3.2 nêu trên; nếu số dự phòng

phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

Nếu số dư phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

Nếu số dư phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Trình tự kế toán phải thu khó đòi:

✓ Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào những bằng chứng đáng tin cậy thu thập được về các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp xác định số dư phòng cần phải lập cho các khoản nợ này, so sánh với khoản dự phòng phải thu khó đòi đã lập ở cuối niên độ kế toán trước. Nếu số dư phòng phải thu khó đòi cần lập ở cuối niên độ kế toán này nhiều hơn số dư phòng đã lập ở cuối niên độ kế toán trước, phần chênh lệch được trích lập bổ sung dự phòng, kế toán ghi:

Nợ TK6426: Chi phí quản lý doanh nghiệp (Chi phí dự phòng)

Có TK139: Dự phòng nợ phải thu khó đòi

✓ Nếu số dư phòng nợ phải thu khó đòi cần lập ở cuối niên độ kế toán này ít hơn số dư phòng đã lập ở cuối niên độ kế toán trước thì phần chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK139: Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Có TK6426: Chi phí quản lý doanh nghiệp (Chi phí dự phòng)

✓ Trong kỳ kế toán, nếu có khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu hồi được, doanh nghiệp làm thủ tục xóa sổ các khoản nợ này theo quy định. Căn cứ vào quyết định xử lý xóa sổ các khoản nợ không thể thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK6426: Chi phí quản lý doanh nghiệp (Chưa lập dự phòng)

Nợ TK139: Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Phần đã lập dự phòng)

Có TK131, TK1388: Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác

Đồng thời ghi nợ TK004: Nợ khó đòi đã xử lý

✓ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá sổ, nay doanh nghiệp thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK111, TK112: Số tiền thu được

Có TK711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK004: Nợ khó đòi đã được xử lý

* **Ý kiến thứ tư:** Công ty nên sử dụng tài khoản 113 – “ Tiền đang chuyển vào hạch toán kế toán

Công ty nên đưa tài khoản 113 - Tiền đang chuyển vào sử dụng cho công tác hạch toán. Đây là doanh nghiệp đang trong quá trình xử lý như chuyển tiền vào tài khoản ở ngân hàng hoặc khách hàng chuyển trả thanh toán qua bưu điện, ngân hàng nhưng doanh nghiệp chưa nhận được giấy báo có, hay doanh nghiệp đã làm thủ tục chuyển tiền từ ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản kê sao từ ngân hàng. Thông thường công ty không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi mới hạch toán, vì tiền chuyển qua ngân hàng sẽ chỉ phải chờ một vài ngày là có thể nhận được giấy báo nhưng điều này sẽ ảnh hưởng lớn nếu như rơi vào kỳ kế toán cuối quý hay cuối năm. Như trường hợp cuối kỳ có phát sinh nghiệp vụ khách hàng đang chuyển trả nợ cho doanh nghiệp nhưng chưa tới thì doanh nghiệp sẽ nhận được giấy báo vào ngày đầu tháng sau. Nếu nghiệp vụ này không sử dụng tài khoản 113 thì số dư công nợ trên Báo cáo tài chính sẽ không chính xác và doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán. Để đảm bảo việc cập nhật tiền được đúng, chính xác và kịp thời, việc sử dụng tài khoản 113 là rất hợp lý.

* **Ý kiến thứ năm:** Công ty nên nâng cấp phần mềm kế toán máy Fast Accounting từ phiên bản 2002 lên phiên bản mới hơn (vd: phiên bản năm 2006, 2010, 2013)

Trong bối cảnh hiện nay, việc vi tính hoá công tác kế toán là một tất yếu và cần thiết với ưu điểm xử lý nhanh, chính xác, lưu giữ được nhiều thông tin và truy cập dữ liệu tốc độ cao. Hiểu được điều đó nên Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng đã sử dụng phần mềm kế toán máy Fast Accounting 2002 từ năm 2002. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán của công ty đã đẩy nhanh được tiến độ và khối lượng công việc cùng với đó là độ chính xác cao tất cả đã cho thấy được những hiệu quả rất rõ ràng. Nhưng cho đến tận nay, công ty vẫn chưa nâng cấp phần mềm kế toán của mình lên phiên bản mới hơn (VD: phiên bản Fast accounting 2006, 2008, 2010,...), đây quả là một sự thiếu sót lớn của ban lãnh đạo công ty vì càng về sau, những phiên bản mới sẽ khắc phục được những nhược điểm của phiên bản cũ đồng thời nâng cấp thêm những tính năng, ứng dụng mới, giúp cho công việc kế toán trở nên nhẹ nhàng hơn, đáp ứng được với cường độ và khối lượng công việc ngày càng nhiều của kế toán công ty.

KẾT LUẬN

Vốn bằng tiền giữ một vai trò tương đối quan trọng trong doanh nghiệp và nó là cơ sở, là tiền đề cho doanh nghiệp hình thành và tồn tại. Đồng thời vốn bằng tiền cũng đóng vai trò là mạch máu lưu thông trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy vốn bằng tiền luôn trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với các nhà quản lý cũng như đối với các doanh nghiệp.

Qua thời gian được thực tập và tìm hiểu về bộ máy kế toán cũng như tìm hiểu sâu về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Xi măng Hải Phòng, em đã nhận thức và hiểu biết được nhiều hơn về công việc kế toán và vai trò của một kế toán viên. Trong suốt quá trình thực tập tại công ty, em đã được sự giúp đỡ tận tình của các cô chú, anh chị phòng kế toán đã tạo điều kiện thuận lợi cho em nghiên cứu đề tài của mình. Bên cạnh đó em xin trân thành cảm ơn *thầy giáo Ths. Phạm Văn Tường*, người đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn em hoàn thành bài khoá luận này.

Vì thời gian và nhận thức còn hạn chế, dù đã cố gắng rất nhiều nhưng bài khoá luận của em vẫn không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của thầy cô giáo để bài khoá luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin trân thành cảm ơn!!!

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2013

Sinh viên

Huyền

Đinh Thị Huyền